

LỜI MỞ ĐẦU

Tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua tiêu thụ, giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm được thực hiện, đơn vị thu hồi được vốn bỏ ra. Cũng chính trong giai đoạn tiêu thụ này, bộ phận giá trị mới sáng tạo ra trong khâu sản xuất được thực hiện và biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán bán hàng nên trong thời gian thực tập tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh, em đã đi chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh.

Do thời gian nghiên cứu luận văn có hạn và với vốn kiến thức còn khiêm tốn nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm. Em rất mong được sự góp ý và sự chỉ bảo của ban giám đốc, cán bộ phòng kế toán Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh cùng toàn thể thầy, cô giáo trong khoa kế toán để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô: **Th.S Nguyễn Thị Mai Linh** cùng các thầy cô giáo trong bộ môn và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh đã hướng dẫn và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 18 tháng 06 năm 2010

Sinh Viên

Đoàn Thùy Dương

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:

Doanh thu bán hàng và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng (tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ...) thu được. Còn kết quả kinh doanh thể hiện cái mà doanh nghiệp đã thu được sau khi trừ đi các chi phí đã bỏ ra. Vậy để tăng được lợi nhuận thì ngoài việc phải tăng doanh thu, doanh nghiệp còn phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Và để phản ánh được đầy đủ doanh thu, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và kế toán xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản:

1.1.2.1 Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, **Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(4) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT.

(4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo phương thức ***Bán hàng qua đại lý:*** Bên gửi hàng bán đại lý có thể ghi nhận doanh thu vào một trong các thời điểm sau: ngày bên đại lý bán được hàng; hoặc ngày nhận được hồ sơ thanh toán từ bên đại lý; hoặc ngày nhận được tiền bán hàng từ bên đại lý.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo phương thức ***Bán hàng trả góp:*** Theo nguyên tắc thực hiện để ghi nhận doanh thu trong trường hợp bán hàng trả góp, doanh thu sẽ được ghi nhận vào ngày hàng hóa được giao cho bên mua.

Doanh thu các phương thức khác được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán...

Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:

- Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, ...

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

1.1.2.2 Chi phí:

Chi Phí là biểu hiện bằng toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các hao phí cần thiết khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí

hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- **Giá vốn hàng bán** là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí tiếp thị, quảng cáo, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí bảo hành đóng gói sản phẩm, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{thuế suất thuế TNDN}$$

- **Chi phí khác** bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp: chi phí về thanh lý, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

1.1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt

động. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{DTT về BH} & & & & \text{Chi phí quản} \\ \text{hoạt động} & = & \text{và cung cấp} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí bán} & - & \text{Chi phí quản} \\ & & & & \text{hàng bán} & & \text{hàng} & & \text{lý doanh} \\ \text{KD} & & \text{DV} & & & & & & \text{ng nghiệp} \end{array}$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN. Và được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{TNDN}} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:

Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả sản xuất kinh doanh cần:

- Phải chính xác: Đây là yêu cầu cơ bản của công tác kế toán nói chung và công tác tiêu thụ sản phẩm nói riêng, mỗi số liệu kế toán cung cấp đều có vai trò quan trọng trong việc theo dõi, bảo vệ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp.

- Phải kịp thời: Thông tin kế toán phải kịp thời thì mới phục vụ thiết thực cho công tác điều hành quản lý.

- Phải đầy đủ: Kế toán tiêu thụ phải phản ánh đầy đủ hoạt động tiêu thụ thì mới có thể cung cấp những thông tin tổng hợp và chính xác.

- Phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ so sánh, đối chiếu: Vì kế toán tiêu thụ cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên được rất nhiều đối tượng sử dụng.

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 01 GTKT-3LL), Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 02 GTTT-3LL)
- Phiếu thu.(Mẫu số 01-TT)
- Ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng...
- Phiếu xuất kho thành phẩm.

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 512: Doanh thu bán hàng nội địa
- TK liên quan: 111, 112, 131, ...

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: TK này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu tài khoản :

- Bên Nợ: + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Khoản giảm giá hàng bán

+ Trị giá hàng bị trả lại

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng và kinh doanh bất động sản đầu tư sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có: + Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ và

kinh doanh bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác.

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Kết cấu và nội dung phản ánh tương tự như TK 511.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

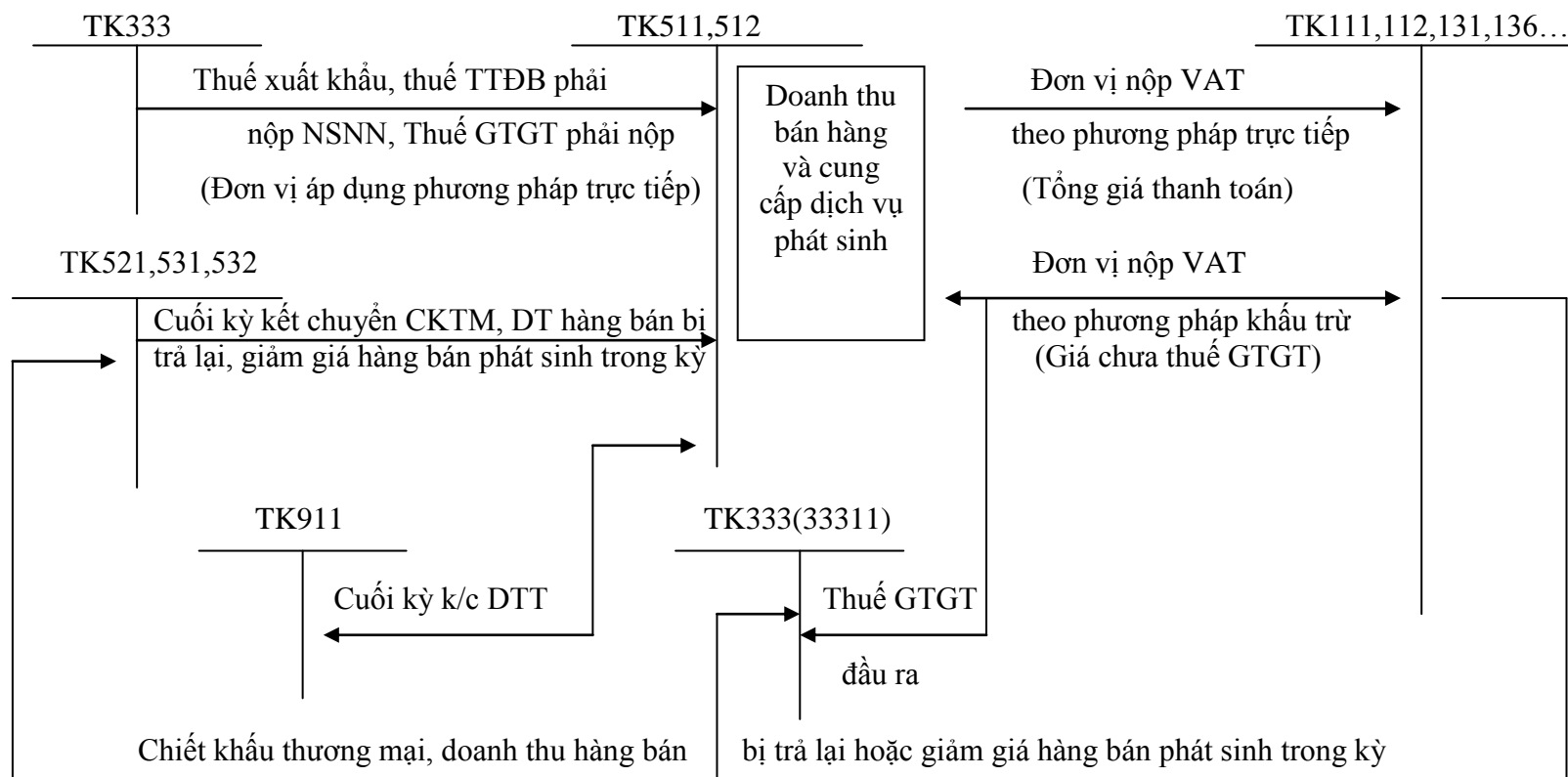
TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3 Quy trình hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu nhập kho.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại (CKTM): Tài khoản này dùng để phản ánh khoản CKTM mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 911 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ. TK 521 có 3 TK cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu hàng hoá
- + TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
- + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Các khoản giảm giá đã chấp nhận cho người mua hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng hoá bán ra sang TK 511 và TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn).

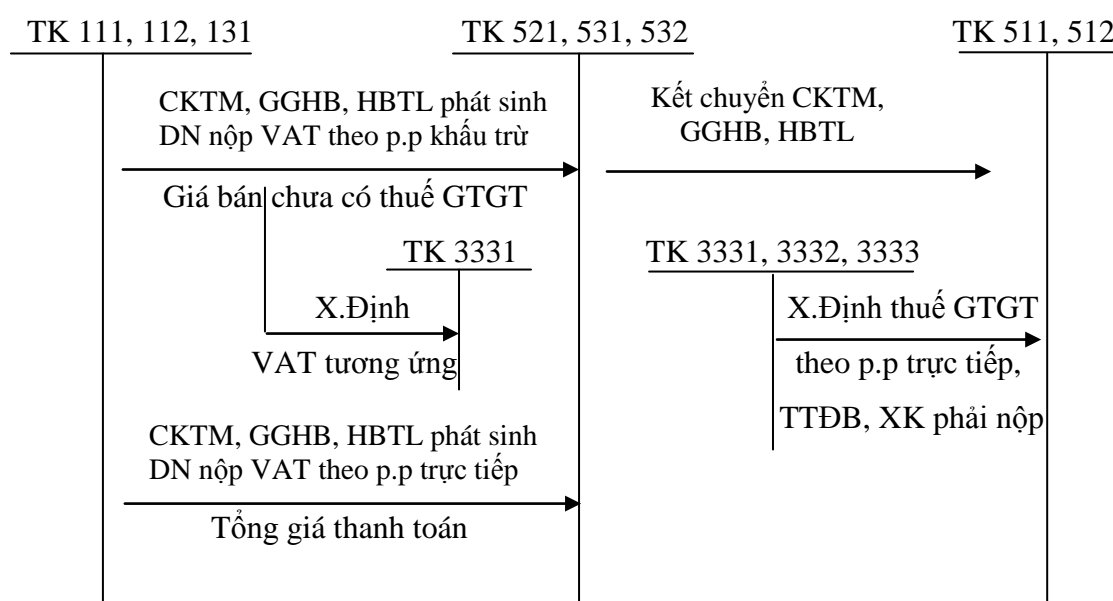
Tài khoản 532 có kết cấu tương tự như Tài Khoản 531.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: sử dụng TK 3331
- Thuế TTĐB: sử dụng TK 3332
- Thuế xuất khẩu: sử dụng TK 3333

1.2.2.3. *Trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

Sơ đồ 2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán:

1.2.3.1 *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

Tài Khoản 632 - Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng năm trước.

- Bên Có: + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước)

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá của dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911.

Tài Khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài Khoản 611 - Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Tài khoản 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Tài khoản 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2:

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

Tài khoản 631 - Giá thành sản xuất: Tài khoản này dùng để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp. Tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tài khoản này không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 631 có kết cấu như sau:

Bên nợ: - Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ từ TK 154.

- Kết chuyển chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ.

Bên có: - Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ kết chuyển sang TK 154.

- Giá thành sản xuất của công việc lao vụ, dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

1.2.3.3 Quy trình hạch toán:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

1.2.3.3.1 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX:

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, số kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc (giá mua vào) của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho.

- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua TK 621, TK 622 và TK 627. Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK 154 để xác định giá vốn hàng bán.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

❖ Phương pháp tính theo giá đích danh:

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước:

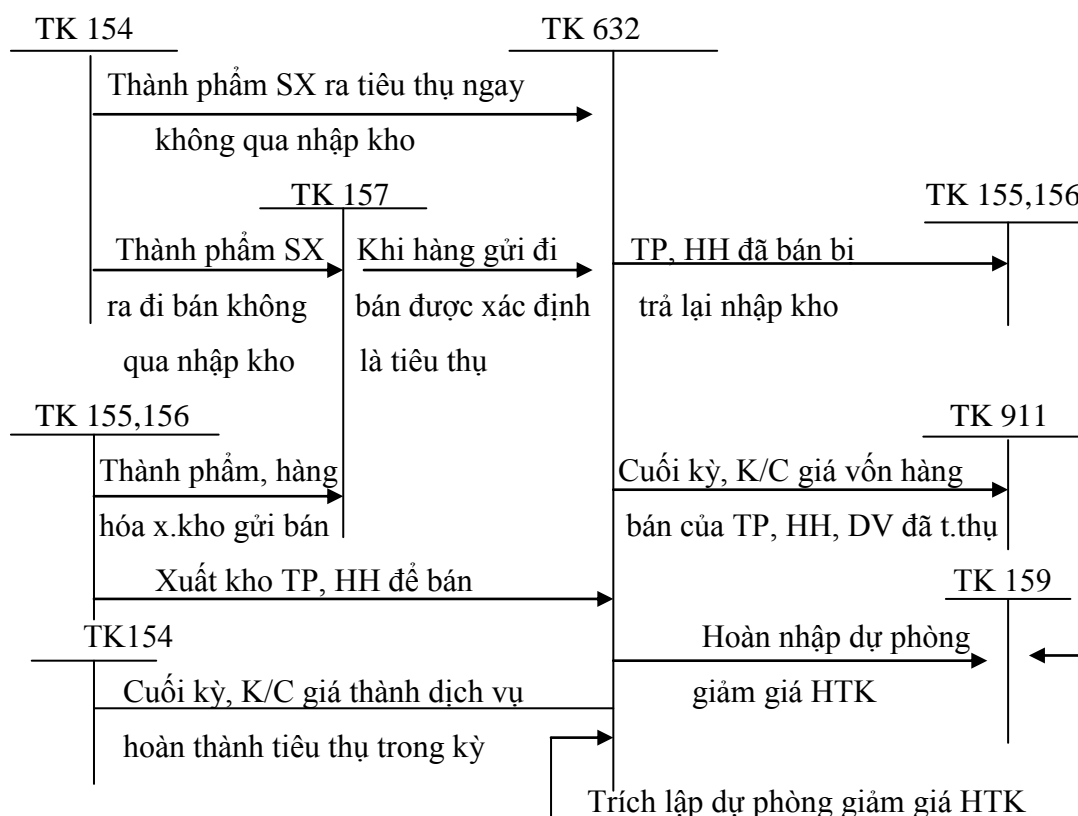
Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

❖ Phương pháp nhập sau - xuất trước:

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy

đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



1.2.3.3.2 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\
 \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ}
 \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

<i>Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ</i>	<i>=</i>	<i>Trị giá thực tế của HH tồn kho đầu kỳ</i>	<i>+</i>	<i>Trị giá vốn của HH gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ</i>	<i>+</i>	<i>Trị giá thực tế của HH nhập kho trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>Trị giá vốn thực tế của HH tồn kho cuối kỳ</i>	<i>-</i>	<i>Trị giá vốn thực tế của HH gửi bán chưa xác định là tiêu thụ cuối kỳ</i>
--	----------	--	----------	---	----------	---	----------	---	----------	---

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN:

1.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

1.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng (CPBH): Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ
- Bên Có: + Phản ánh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng
+ Kết chuyển CPBH vào kết quả của sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN): Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, phụ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài,...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Bên Có: + Phản ánh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
+ Kết chuyển CPQLDN vào tài khoản liên quan.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng

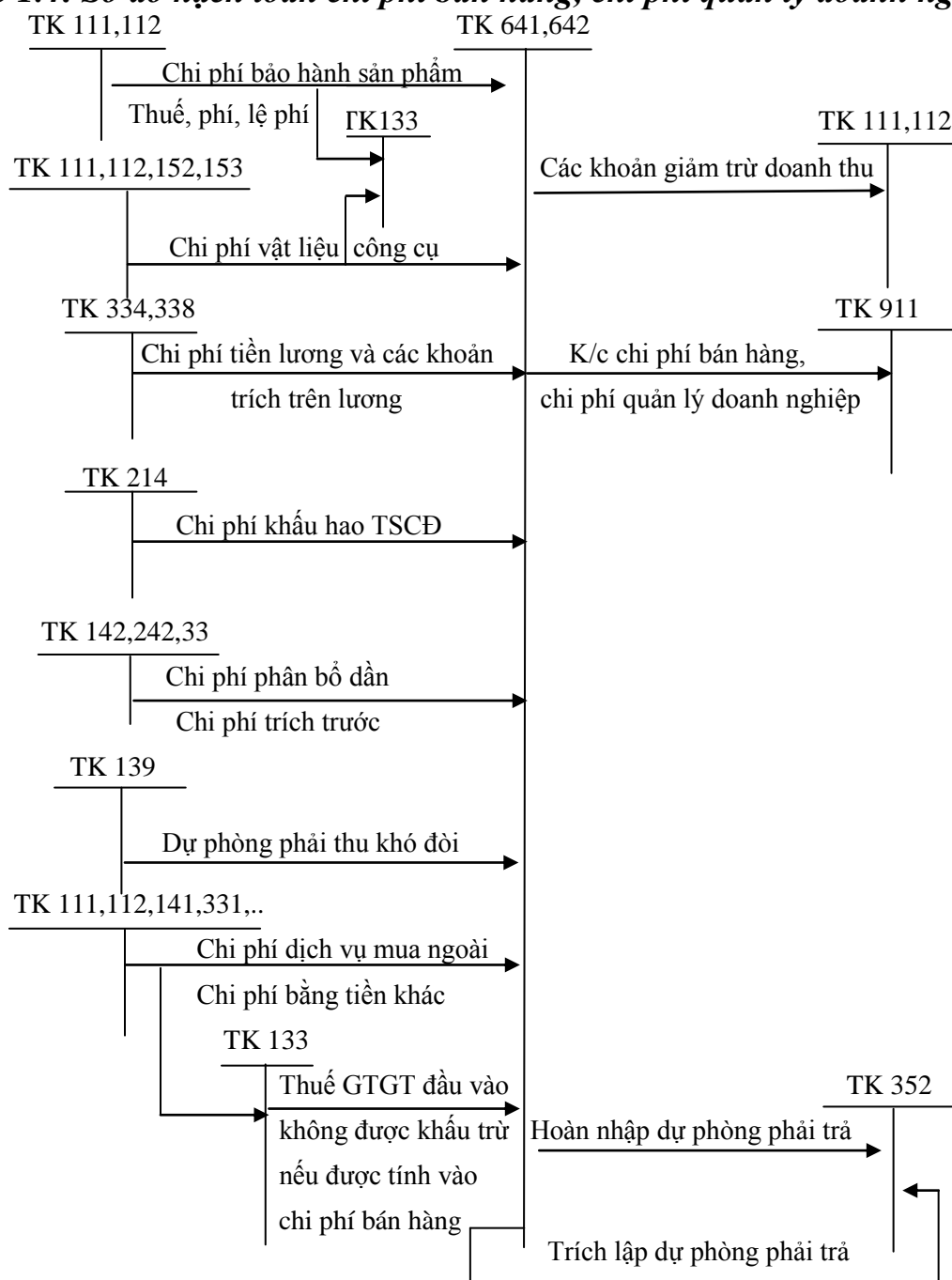
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:



1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:

- Giấy nộp tiền, Phiếu thu, Phiếu chi.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, uỷ nhiệm chi.
- Bảng sao kê ngân hàng.

1.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 515 - doanh thu hoạt động tài chính (DTHĐTC): tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
 - + Kết chuyển DTHĐTC thuần sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có:
 - + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
 - + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào DTHĐTC.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Tài Khoản 635 - Chi phí tài chính (CPTC): Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào CPTC.

+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

- Bên Có:

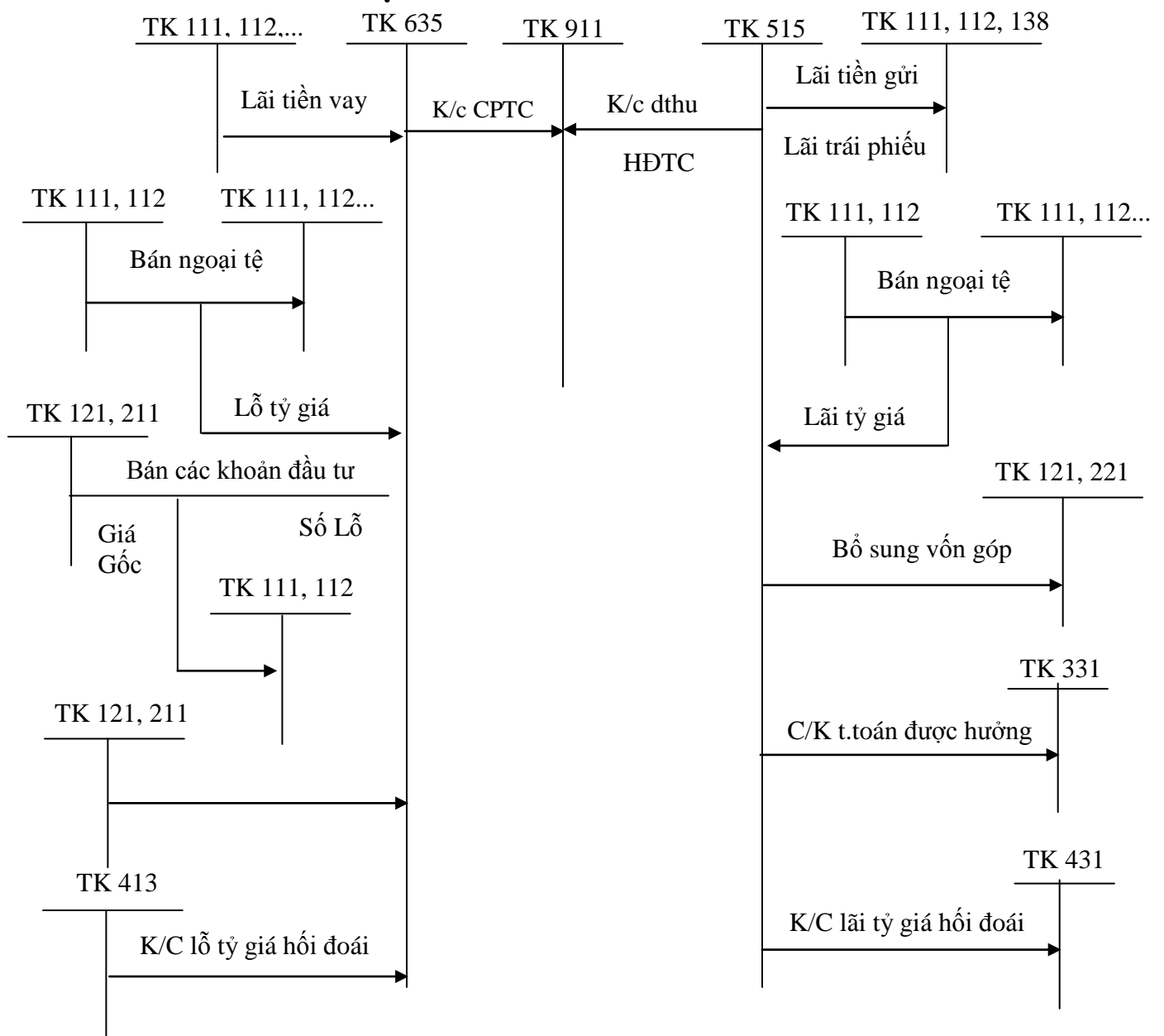
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính:



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng:

- Giấy nộp tiền, Phiếu thu, Phiếu chi.
- Hợp đồng kinh tế, hợp đồng thuê tài sản...
- Báo nợ, báo có, uỷ nhiệm chi, sao kê ngân hàng.

1.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài Khoản 711 - Thu nhập khác: TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có: + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài Khoản 811 - Chi phí khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

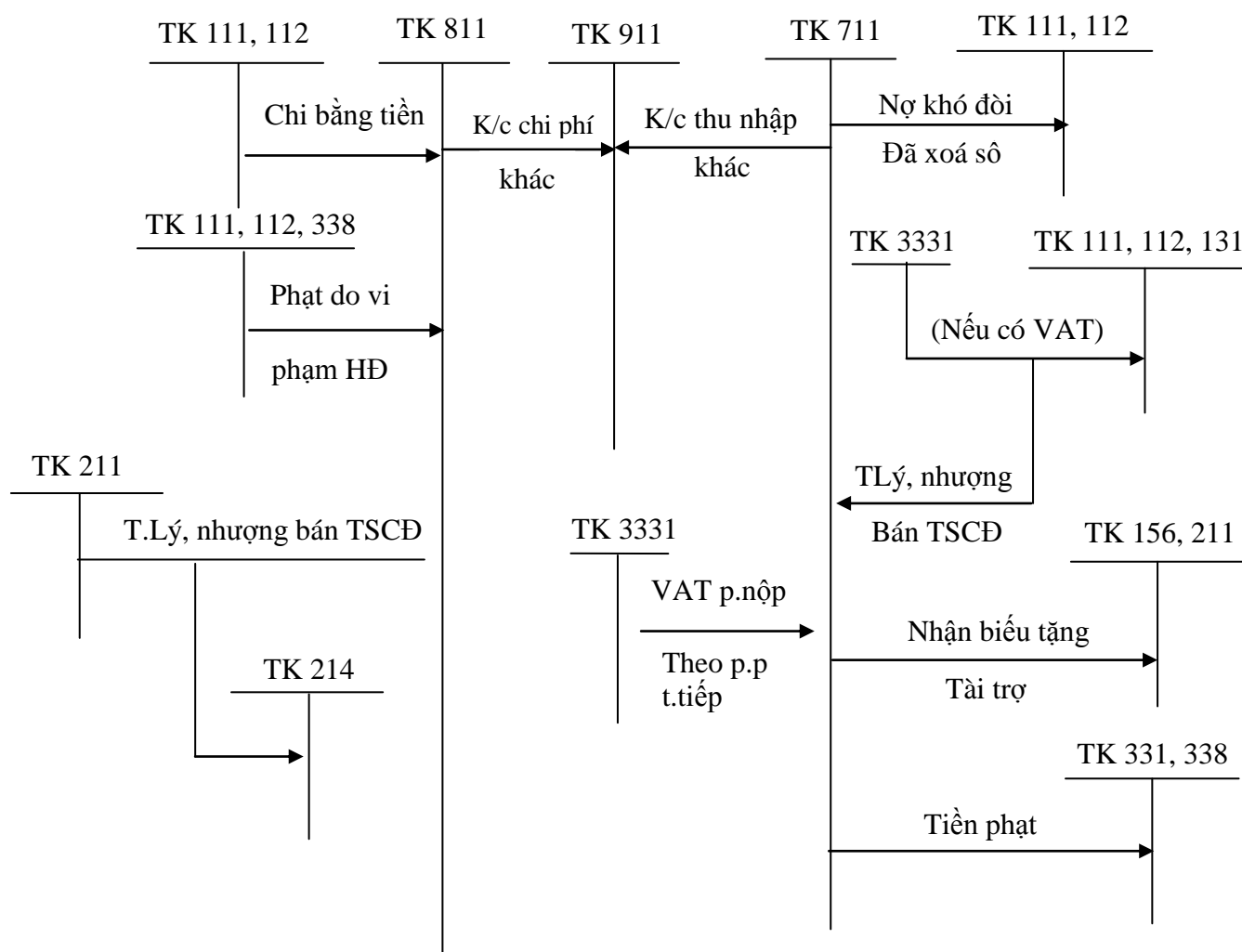
- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2.7.1 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh. TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

- + Phản ánh trị giá vốn hàng bán (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ) đã tiêu thụ xong được kết chuyển.
- + Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác kết chuyển.
- + Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ.
- + Thực lãi về hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Bên Có:

- + Phản ánh doanh thu thuần về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.
- + Thu nhập thuần về hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- + Thực lỗ về các hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ và có thể mở chi tiết theo từng hoạt động.

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối – Tài khoản này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên nợ: Phản ánh số lỗ trong năm hoạt động.
- Bên có: Phản ánh số lãi trong năm hoạt động.

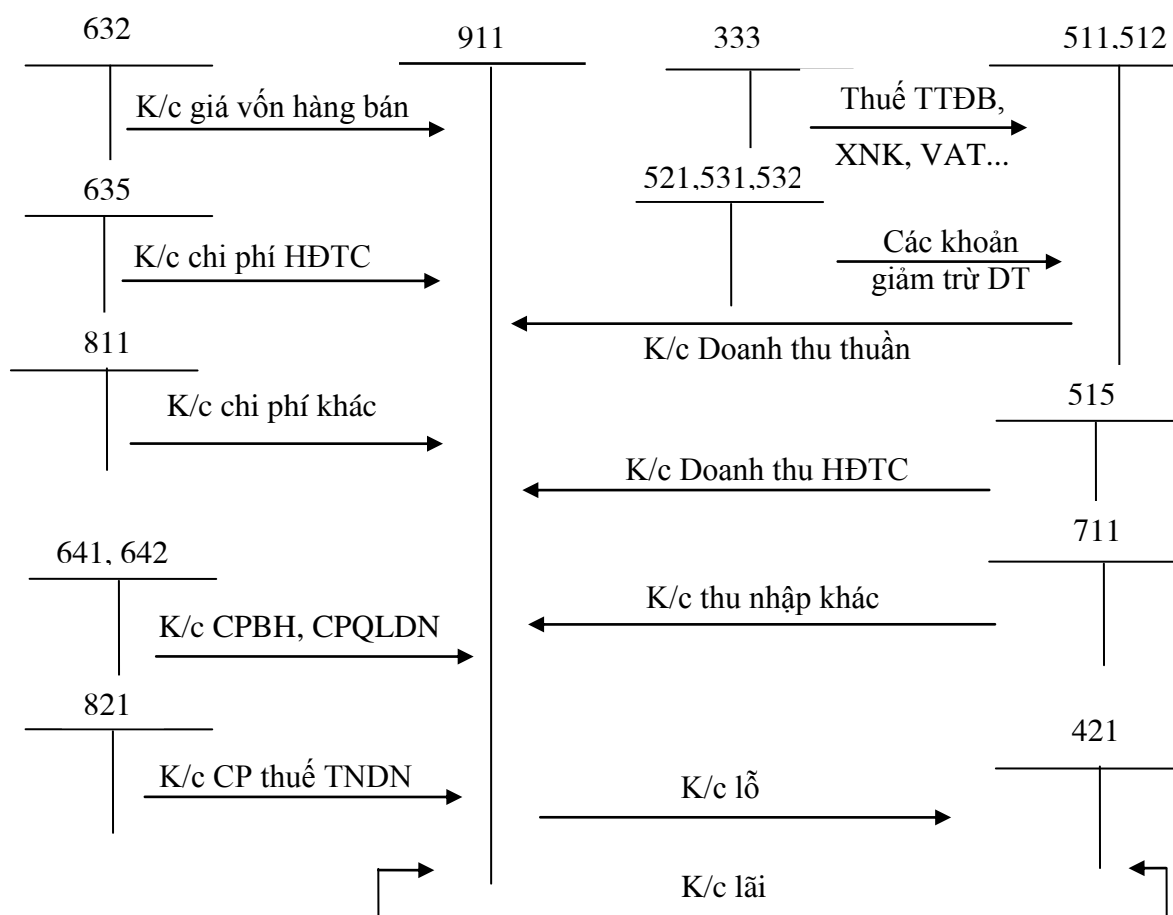
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên nợ: + Phản ánh số thuế TNDN tạm tính
+ Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN phải nộp.
- Bên có: Kết chuyển chi phí thuế TNDN.

1.2.7.2 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẢNG NINH



2.1 Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700 541 860

Địa chỉ: Phường Nam Khê - Thị Xã Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333. 850. 578

Fax: 0333. 852. 008

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh tiền thân là phân xưởng chế biến gỗ thuộc Lâm Trường Uông Bí, Quảng Ninh, Thực hiện nghị quyết số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và thông tư số 76/2002/TT-BTC ngày 09 tháng 09 năm 2002 của Bộ Tài Chính hướng dẫn những vấn đề tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Căn cứ quyết định số 1131/QĐ-UB ngày 12 tháng 04 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt bổ sung phân xưởng chế biến gỗ thuộc Lâm Trường Uông Bí vào danh sách các đơn vị thực hiện cổ phần hoá năm 2004. Căn cứ quyết định 4741/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá.

Căn cứ quyết định 1131/QĐ-UBND và 4741/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh, phân xưởng chế biến gỗ thuộc Lâm Trường Uông Bí, Quảng Ninh đã chuyển đổi sang Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2005 của UBND Tỉnh Quảng Ninh.

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh được thành lập và chính thức đi vào hoạt động trước những khó khăn và thách thức vô cùng to lớn. Sau khi cổ phần hoá, đại hội cổ đông đã bầu ra một ban lãnh đạo mới có đủ đức đủ tài để lãnh đạo công ty. Công nhân có đủ việc làm, thị trường được mở rộng sang các nước như Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Đức, Malaysia... Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng như sáng kiến của ông Phí Bằng Vang chuyển đốt lò sấy gỗ bằng than đá sang đốt lò bằng mùn cưa. Công Ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo pháp luật của Nhà Nước đã ban hành đối với doanh nghiệp. Công ty không ngừng thực hiện phân phối lao động và cải thiện đời sống vật chất tinh thần, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên trong công ty. Mặt hàng sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty là các chủng loại gỗ thành phẩm theo yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

❖ ***Ngành nghề kinh doanh của công ty:***

- Chế biến, kinh doanh lâm sản.
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, lâm sản và các vật tư, thiết bị phục vụ chế biến lâm sản và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, xây dựng nhà hàng khách sạn.

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh khi mới thành lập có vốn điều lệ là 2,8 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước là 750 triệu đồng chiếm 30% vốn điều lệ. Trong năm 2006 sau khi được đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành thêm, Công Ty đã tăng vốn từ 2,8 tỷ đồng lên 8 tỷ đồng nhưng giá trị vốn góp của Nhà nước vẫn không thay đổi. Tính đến thời điểm 30/09/2008 Vốn điều lệ của Công Ty đã góp được 9.106.500.000 đồng và trị giá vốn Nhà nước vẫn giữ nguyên.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

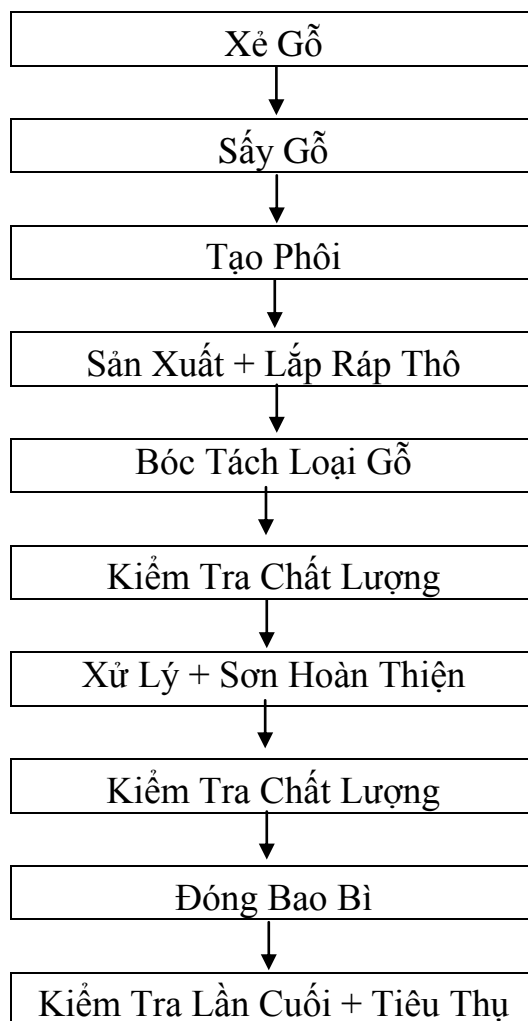
❖ ***Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:***

Để tạo ra sản phẩm chúng ta phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất. Quá trình sản xuất gỗ cũng vậy. Để tạo ra sản phẩm cuối cùng chúng ta

phải trải qua nhiều công đoạn trong quá trình chế biến. Những năm gần đây cùng với việc đổi mới công nghệ và nâng cao kỹ thuật chế biến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, cho nên sản phẩm tiêu thụ của Công Ty ngày càng được nâng cao.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là sản xuất các sản phẩm gỗ như: tủ, bàn ghế, khung cửa, cánh cửa, cầu thang, ván sàn trong và ngoài nhà.... phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Trong đó các sản phẩm truyền thống như: Tủ, bàn ghế, cánh cửa, các sản phẩm mộc dân dụng phục vụ nhu cầu xây dựng cơ bản tại thị trường nội địa cho các khu chung cư và khách sạn cao cấp tại địa bàn tỉnh Quảng Ninh cũng như các tỉnh thành lớn phía Bắc. Riêng sản phẩm gỗ ghép thanh, ván sàn phục vụ xuất khẩu đã hướng tới thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Đức, Hồng Kông, Malaysia...

❖ **Quy trình sản xuất sản phẩm:**



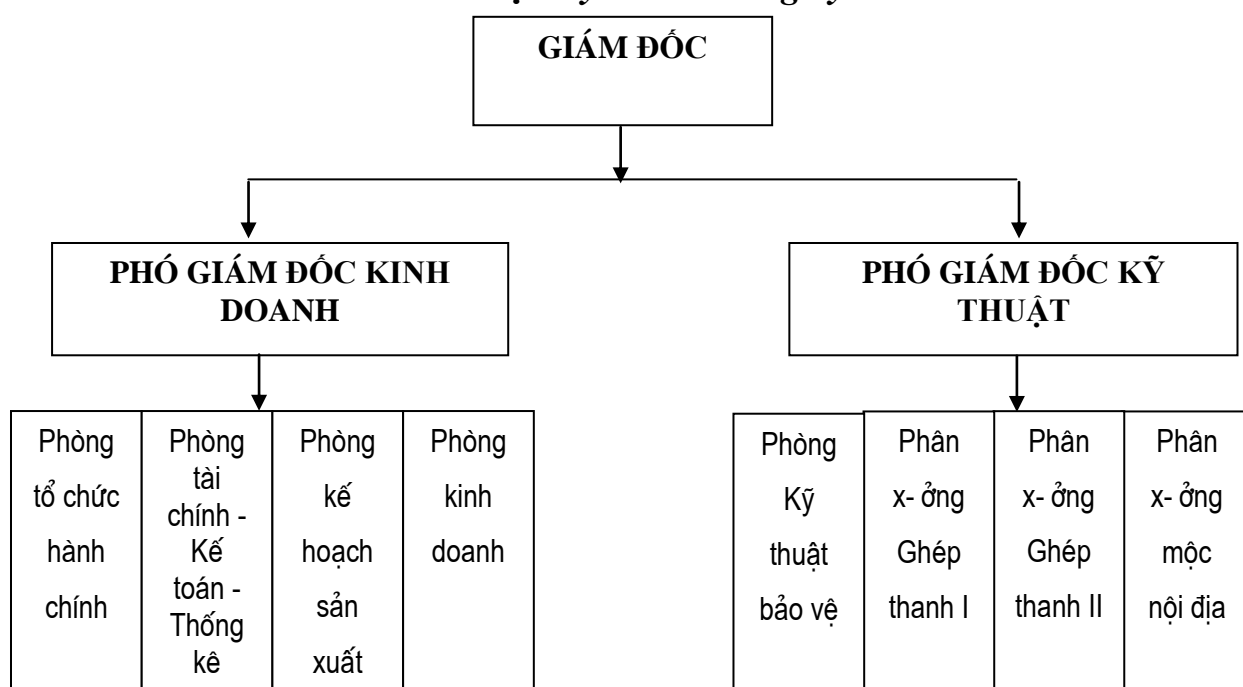
Trong quá trình sản xuất sản phẩm của công ty, khâu kiểm tra chất lượng luôn được tiến hành thường xuyên và được quan tâm vì nó quyết định chất lượng sản phẩm khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Nguồn nguyên vật liệu chính của Công Ty bao gồm nhiều chủng loại gỗ rất đa dạng như Pơ-mu, sồi, dổi, thông, keo, cao su, trẩu ... có xuất xứ từ thu mua trong nước hoặc từ Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc... Ngoài ra Công Ty còn sử dụng một số nguyên vật liệu phụ như keo National, keo Konnybond, chất xúc tác, vải nguyên liệu, xăng UV, bột bả....

Một số máy móc thiết bị của Công Ty được sản xuất trong nước còn lại chủ yếu nhập từ nước ngoài như máy bào, máy phay, máy dán cạnh, máy chà nhám, sàn máy sấy, hệ thống hút bụi, máy chép hình tròn, máy cắt góc, máy cắt đầu ván...

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Sơ đồ bộ máy tổ chức Công Ty:



- Giám Đốc điều hành: Với vai trò lãnh đạo chung toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, là đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, đại diện cho quyền lợi của cán bộ công nhân viên, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phó Giám Đốc phụ trách sản xuất: Giúp việc cho giám đốc, được trực tiếp phụ trách công tác kỹ thuật, sản xuất, an toàn sản xuất và các khâu sản xuất phụ trợ.

- Phó Giám Đốc phụ trách kinh doanh: Giúp việc cho giám đốc, trực tiếp phụ trách khâu cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, đời sống văn phòng, bảo vệ.

- Phòng tài chính kế toán thống kê: Có nhiệm vụ tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh.

+ Kế toán trưởng: Là người giúp giám đốc quản lý chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công Ty, có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Phòng kế hoạch kỹ thuật: Quản lý các quy trình quy phạm sản xuất, xây dựng và chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất.

- Phòng tổ chức hành chính: Quản lý trực tiếp toàn bộ lao động từ khi vào làm việc tại Công Ty đến khi nghỉ chế độ.

+ Trong phạm vi quỹ tiền lương được giao, sử dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu công việc, ký thoả ước lao động tập thể và cá nhân của đơn vị.

+ Xây dựng và thực hiện các nội quy về kỷ luật lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về kỹ thuật an toàn lao động.

+ Nghiên cứu hình thức chi trả lương cho cán bộ nhân viên theo mỗi kỳ sản xuất trên kết quả sản xuất kinh doanh và tiền lương được giao.

- Phân xưởng trực thuộc (Phân xưởng sản xuất gỗ ghép thanh): có nhiệm vụ chuyên ghép thanh để xuất khẩu sang các nước như: Hàn Quốc, Đài Loan, Đức, Hồng Kông, Mỹ, Malaysia, Nhật Bản ... và hàng nội địa.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

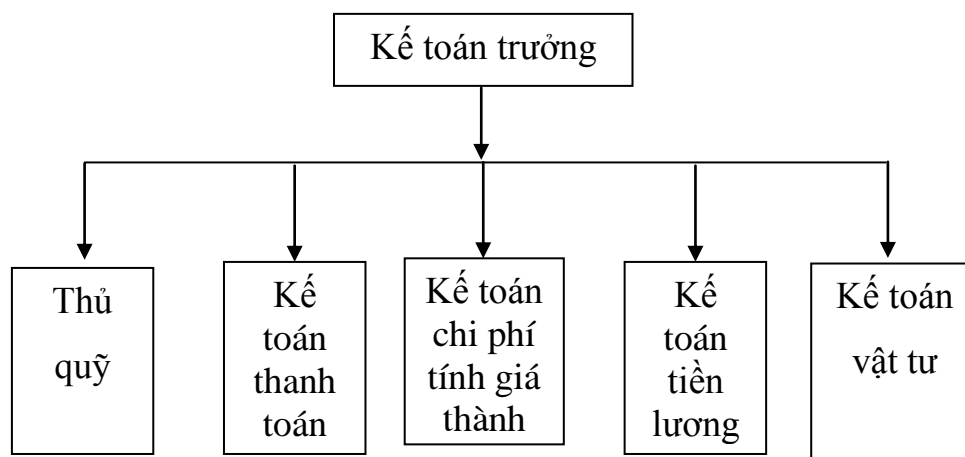
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán:

Kế toán trưởng: Là người giúp việc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành, là người cung cấp thông tin cho Giám Đốc và cơ quan cấp trên, có chức năng tổ chức, kiểm tra công tác kế toán, giám sát viên kế toán - tài chính của đơn vị mình phụ trách theo điều lệ kế toán trưởng của Nhà Nước.

Kế toán trưởng phụ trách chung và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo công ty về toàn bộ lĩnh vực tài chính kế toán của đơn vị, có nhiệm vụ báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, năm, giúp ban giám đốc nắm bắt được các thông tin về tình hình hoạt động tài chính và hiệu quả kinh doanh của đơn vị. Đồng thời kế toán trưởng làm nhiệm vụ kiểm soát toàn bộ kinh tế tài chính của Nhà nước ở Công Ty theo chức năng, nhiệm vụ của kế toán trưởng.

Kế toán trưởng phân công các thành viên trong bộ máy kế toán của công ty thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể:

Sơ đồ tổ chức bộ máy Kế toán của Công ty:



- Kế toán thanh toán: Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ quỹ tiền gửi ngân hàng và thực hiện các giao dịch diễn ra.

- Kế toán vật tư, thủ kho, tính toán công nợ: Theo dõi, quản lý hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, theo dõi công nợ của Công Ty.

- Kế toán tài sản cố định, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Theo dõi, tính toán khấu hao tài sản cố định, lương và các khoản trích theo lương.

- Kế toán chi phí tính giá thành: Tập hợp chi phí, phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:

Hệ thống chứng từ doanh nghiệp sử dụng theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán:

Kế toán sử dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán **Nhật ký chung**. Hình thức này tách rời hạch toán theo thời gian và theo hệ thống trên 2 loại sổ khác nhau, tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên 2 loại sổ khác nhau. Đối với loại hình sổ kế toán này công ty cần phải lập bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo kế toán vì sổ cái của mỗi tài khoản được phản ánh riêng trên 1 vài trang sổ.

Hiện nay, để phù hợp với sự phát triển của xã hội và quản lý, doanh nghiệp đã áp dụng thêm hình thức kế toán máy giúp tiết kiệm thời gian, chi phí.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp **kê khai thường xuyên**, thuế giá trị gia tăng theo **phương pháp khấu trừ**. Khi xuất vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sản xuất Công ty tính giá theo phương pháp **bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**.

- Kế toán ghi nhận hàng tồn kho theo **giá gốc**.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty không lập dự phòng.

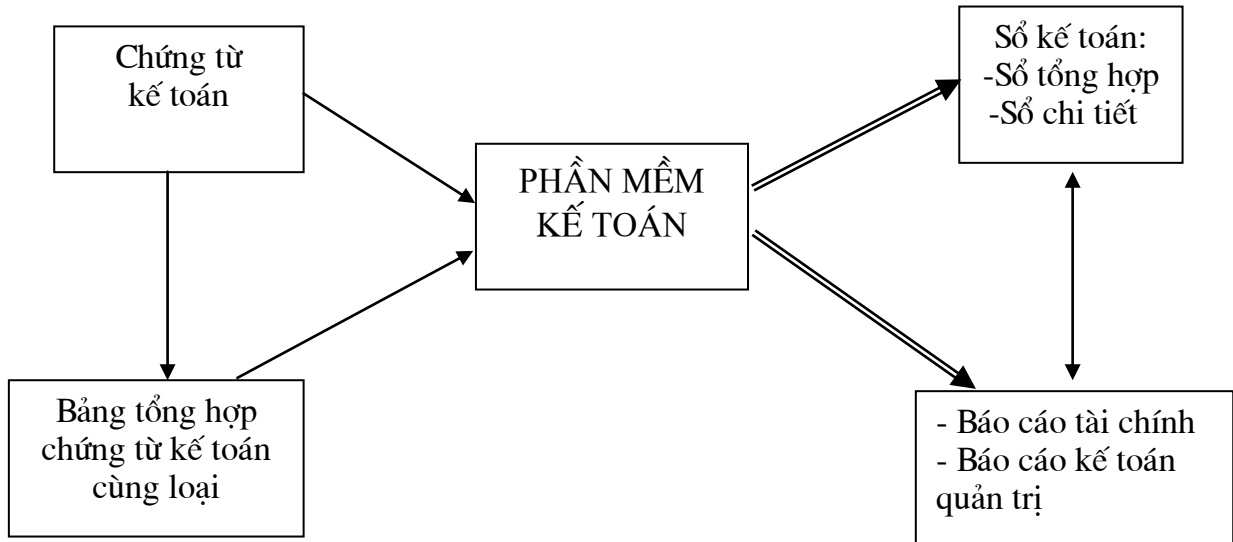
- Kế toán ghi nhận TSCĐ theo **nguyên giá gốc**.

- Kế toán tính khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính) theo phương pháp **đường thẳng** áp dụng khung thời gian sử dụng hữu ích của tài sản theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ tài chính. Niên độ kế toán được thực hiện từ ngày 01/01/200N và kết thúc vào ngày

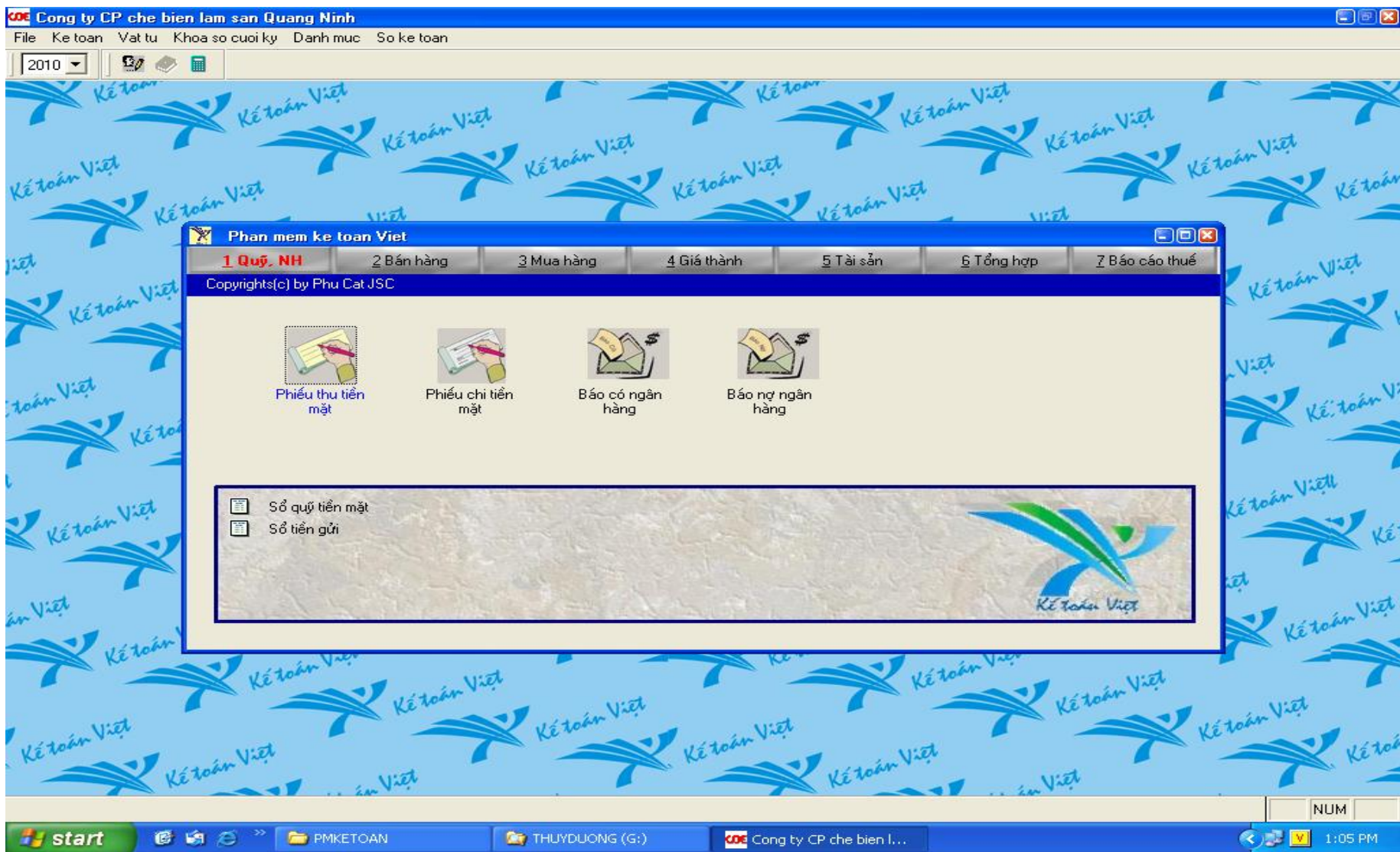
31/12/200N theo dương lịch.

Đơn vị tiền tệ áp dụng trong kỳ kế toán là *tiền Việt Nam*. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh với ngoại tệ thì được quy đổi sang Việt Nam đồng theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung áp dụng trên máy tính:

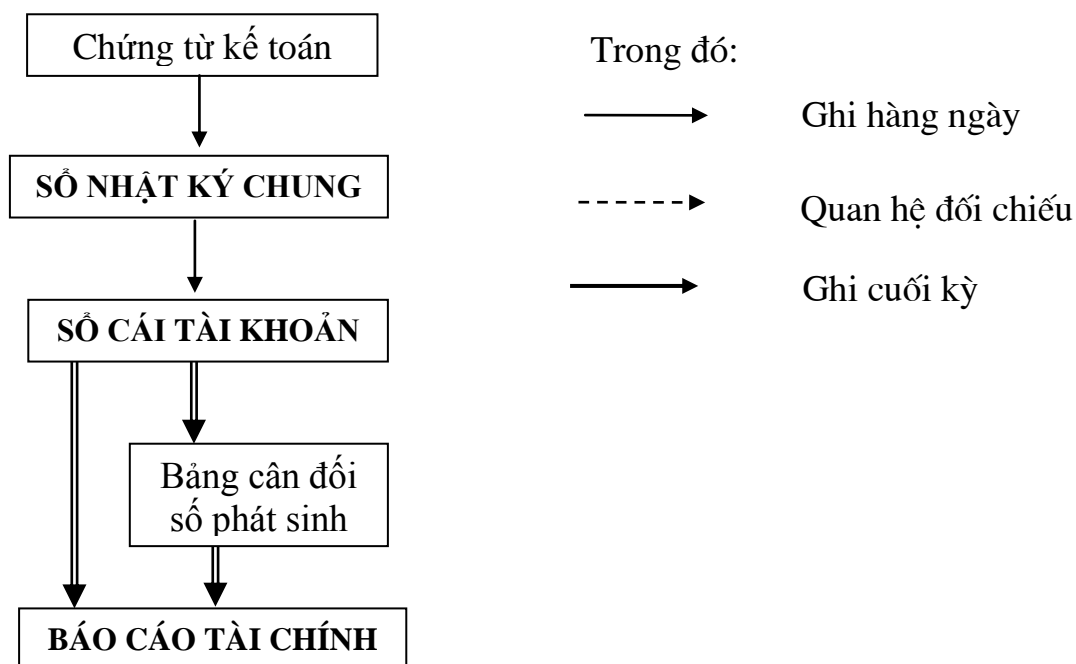


*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh*



Biểu 2.1: Giao diện phần mềm kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:



2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:

Báo cáo tài chính là những báo cáo được lập dựa vào phương pháp kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán theo các chỉ tiêu tài chính phát sinh tại những thời điểm hoặc thời kỳ nhất định. Đồng thời giải trình giúp cho đối tượng sử dụng thông tin tài chính nhận biết được thực trạng tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Các báo cáo tài chính phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, số liệu phản ánh trung thực, chính xác, phục vụ đầy đủ và kịp thời.

Các báo cáo định kỳ nhà nước quy định công ty phải nộp bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Sản phẩm sản xuất chủ yếu phục vụ cho thị trường tiêu dùng nội địa nên công ty sản xuất nhiều sản phẩm thông dụng đáp ứng yêu cầu thiết yếu của người tiêu dùng. Chủ yếu là theo một khuôn mẫu chung nhất định, được chia làm nhiều loại do phân

xưởng ghép thanh sản xuất, có dây chuyền công nghệ hiện đại. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là sản xuất các sản phẩm gỗ như: giường, tủ, bàn ghế, khung cửa, cánh cửa, cầu thang, ván sàn trong và ngoài nhà....

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, hoá đơn giá trị gia tăng.

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, uỷ nhiệm thu,...

- Phiếu kế toán.

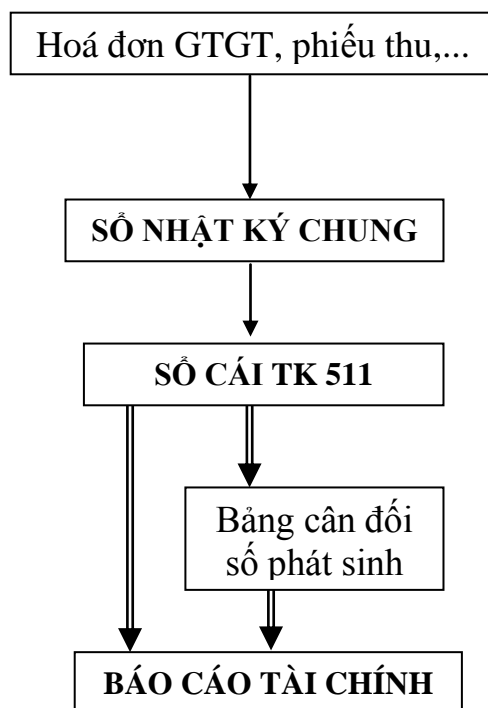
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Bao gồm:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu hàng xuất khẩu
- TK 5118: Doanh thu khác
- TK 111, 112, 131, 333 và các tài khác liên quan.

2.2.1.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



2.2.1.4 Ví dụ minh họa:

a) Ngày 30/12/2009, Công Ty Asano Enterprises INC có đặt công ty 1 kiện hàng gỗ ghép thanh qua mail.

Dựa vào đơn hàng, kế toán viết hoá đơn số 55962 với tổng số tiền là 17.725,68 USD, áp dụng tỷ giá 1 USD = 18.450 đồng tại ngày 30/12/2009, tương đương với 327.038.796 đồng,

Kế toán định khoản:

- Nợ TK 131: 327.038.796 đồng
- Có TK 5113: 327.038.796 đồng

Kế toán tiến hành viết hoá đơn 55962, kiểm tra số liệu và nhập số liệu vào phần mềm kế toán (theo biểu 2.2-a, 2.2-b và 2.2-c), vào ngày tháng, số hoá đơn, số seri, mã tệ (USD), nhập tỷ giá: 18.450, tìm tên đối tượng (ASN), ghi nợ TK 131, nhập mã hàng xuất (Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản), kiểm tra tổng tiền và thông tin đã nhập rồi chấp nhận.

Chương trình sẽ in ra sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3) và Sổ cái các tài khoản liên quan tới nghiệp vụ này (Biểu 2.5 và 2.7)

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
HP/2009B

Liên 3: Nội bộ

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

0055962

Đơn vị bán hàng: *Công ty CP chế biến lâm sản Quảng Ninh.*

Địa chỉ: *Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh.*

Số TK: *10.2010000.225757 tại Ngân hàng Công Thương Uông Bí, Quảng Ninh*

Điện thoại: *0333 850 578*

- Mã số thuế: *5700 541 860*

Họ tên người mua hàng:.....

Đơn vị: *Asano Enterprises INC*

Địa chỉ: *12-13 Nishi Shinsaibashi, Chome Chuoko Osaka, Japan.*

Số tài khoản:..... - Tại ngân hàng:

Hình thức thanh toán: *L/C*

MST: _____

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>2,52</i>	<i>705</i>	<i>1.776,6</i>
2	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>3,024</i>	<i>705</i>	<i>2.131,92</i>
3	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>3,024</i>	<i>705</i>	<i>2.131,92</i>
4	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>2,52</i>	<i>705</i>	<i>1.776,6</i>
5	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>5,04</i>	<i>505</i>	<i>2.545,2</i>
6	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>5,04</i>	<i>505</i>	<i>2.545,2</i>
7	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>5,04</i>	<i>505</i>	<i>2.545,2</i>
8	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>5,52</i>	<i>410</i>	<i>1.033,2</i>
9	<i>Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản</i>	<i>M3</i>	<i>3,024</i>	<i>410</i>	<i>1.239,84</i>

Cộng tiền hàng: *17.725,68*

Thuế GTGT: *0%* Tiền thuế GTGT :

Tổng cộng tiền thanh toán: *17.725,68*

Số tiền viết bằng chữ: *M- ời bảy ngàn bảy trăm hai m- ời lăm đô la và sáu m- ời tám xu Mỹ.!*

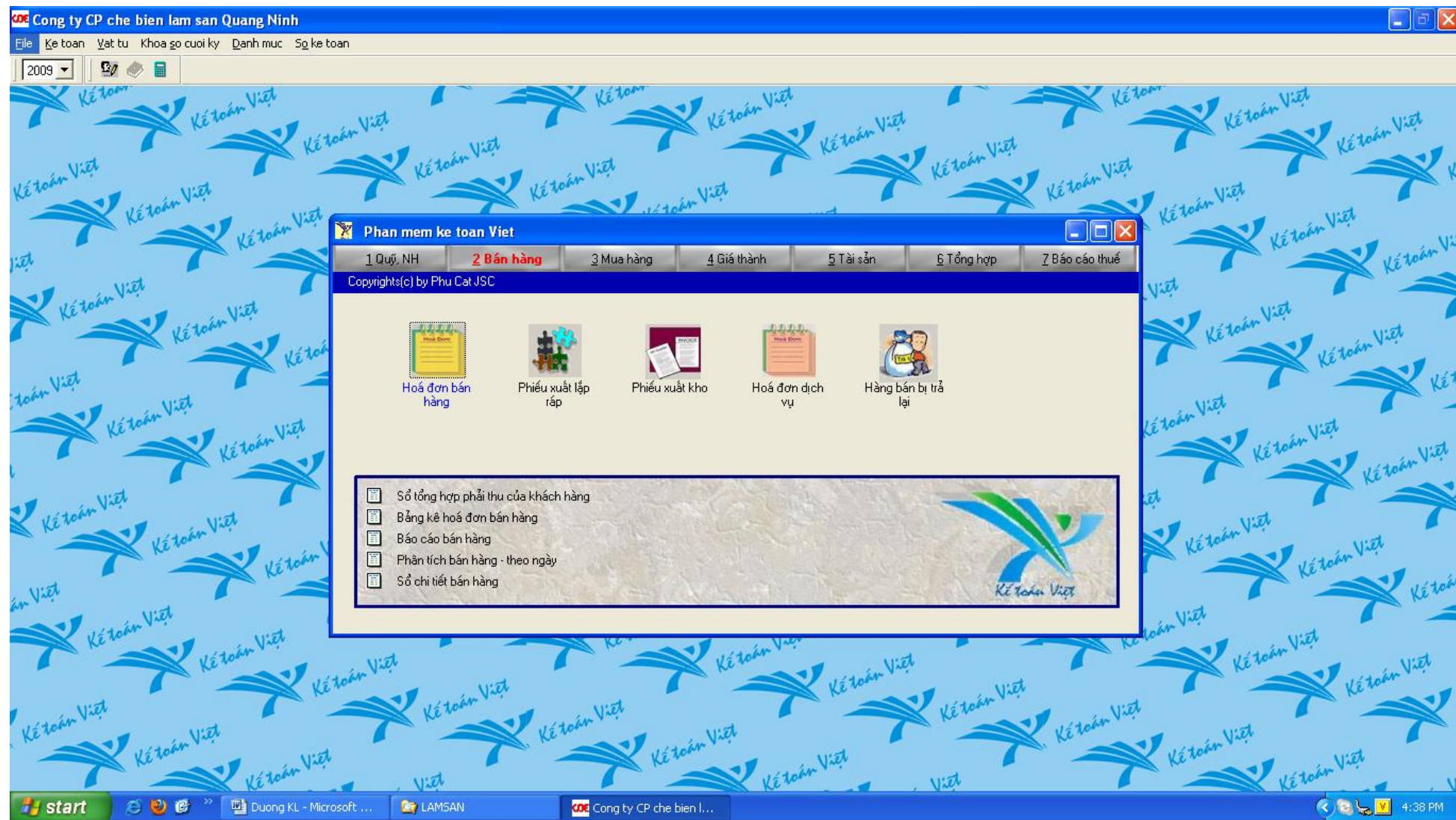
Người mua hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh*

Trên biểu 2.1 chọn "Bán hàng", có biểu 2.2-a giao diện dưới đây, chọn tiếp mục "hoá đơn bán hàng":



*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh*

Khi chọn "Hoá đơn bán hàng" ta có biểu 2.2-b dưới đây, chọn HĐ 55962 như con trỏ trong hình, ấn F5 để xem.

Chức	Ngày	Số	Diễn giải chứng từ	Khách hàng giao dịch	Tổng tiền Nt	Tổng tiền VND
HD	26/12	055956	Bục nói chuyện, ghế tựa, khung xương ốp tường	Văn Phòng HĐND v	70 088 700.000	70 088 700.000
HD	26/12	055957	Gỗ ghép thanh	INTEPBUILD FAR E	1 040.000	9 207 760.000
HD	26/12	055958	Cọc gỗ	Công ty CP Kỹ thuật	19 819 800.000	9 819 800.000
HD	26/12	055959	Gỗ chống lòi, chèn lòi	CT Lâm Nghiệp Uôn	454 593 700.000	4 593 700.000
HD	28/12	055960	Phế liệu (mùn cưa)	Công ty TNHH Hoàn	5 775 000.000	5 775 000.000
HD	28/12	055961	Gỗ chống lòi, chèn lòi	CT Lâm Nghiệp Uôn	494 802 000.000	4 802 000.000
HD	30/12	055962	Gỗ ghép thanh	Asano Enterprises IN	17 725.680	17 038 796.000
HD	30/12	055963	Gỗ xẻ	Công ty CP Kỹ thuật	19 800 000.000	9 800 000.000
HD	30/12	055964	Gỗ chống lòi, chèn lòi rừng trồng	CT Lâm Nghiệp Uôn	477 469 300.000	7 469 300.000
HD	30/12	055965	Công trình hàng mộc	CT TNHH Sao Mai E	169 429 160.000	9 429 160.000
HD	30/12	055966	Ghế tựa, bàn làm việc...	Công ty Nhiệt Điện L	38 537 400.000	8 537 400.000
HD	30/12	055967	Khuôn cửa, cánh cửa...	Công ty Nhiệt Điện L	64 442 083.000	4 442 083.000

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk	Mã kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	2.520000	705.00000	1 776.600
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	3.024000	705.00000	2 131.920
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	3.024000	705.00000	2 131.920
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	2.520000	705.00000	1 776.600
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	5.040000	505.00000	2 545.200
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	5.040000	505.00000	2 545.200
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	5.040000	505.00000	2 545.200
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	2.520000	410.00000	1 033.200
TP003GT-NI	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113	KTP	3.024000	410.00000	1 239.840

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh*

Biểu 2.2-c: Giao diện thao tác nhập số liệu vào phần mềm

Cong ty CP che bien lam san Quang Ninh

File Ke toan Vat tu Khoa so cuoi ky Danh muc So ke toan

2009

Sua chung tu

Mã chứng từ: HD Ngày: 30/12/2009 Số: 055962 Số seri: NE/2009B Mã tệ: USD 18 450.00

Hợp đồng: _____ Công nợ hiện tại - VND
Nợ: 0
Có: 0

Đối tượng: ASN Công nợ hiện tại NT
Nợ: 0.00
Có: 0.00

Ông bà: Asano Enterprises INC Địa chỉ: Nhật Bản

Diễn giải: Gỗ ghép thanh

Bộ phận: _____

Mã nhập xuất: 131 Bán hàng công nợ

Tk nợ: 131 Phải thu của khách hàng

Sản phẩm: _____

Khoản mục phí: _____ Tự động áp giá xuất: C

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Mã vv	Mã kho	Số lượng	Khuyến mại	Đơn giá
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	2.520000		705.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	3.024000		705.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	3.024000		705.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	2.520000		705.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	5.040000		505.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	5.040000		505.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	5.040000		505.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	2.520000		410.00000
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	5113		KTP	3.024000		410.00000

Hạn thanh toán: _____ Loại chiết khấu: 0 C.khấu: 0.00 % TT kỳ này: 0

Mã loại VAT: _____ Tk nợ: _____ Tk có: _____

Đối tượng VAT: _____ Msố thuế: _____

Hàng trả lại: _____ Cước VC: 0 Ck Tháng: 0

Tiền hàng: 17 725.68 327 038 796.00
Chiết khấu: 0.00
Thuế GTGT: 0.00 0.00
Tổng tiền: 17 725.68 327 038 796.00

✓ Chấp nhận ✗ Hủy bỏ HD - Phiếu giao hàng

start Duong KL - Microsoft ... Cong ty CP che bien l...

8:44 AM

b) Ngày 28/12/2009, Công Ty TNHH Hoàng Nam (Nguyễn Bình Khiêm - Hải An - Hải Phòng) có mua phế liệu (mùn cưa đóng bánh/viên) theo hoá đơn số 55960. Dựa vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành định khoản:

- Nợ TK 131: 5.775.000 đồng
- Có TK 5118: 5.250.000 đồng
- Có TK 3331: 525.000 đồng

Kế toán tiến hành viết hoá đơn số 55960, dựa vào hoá đơn 55960, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Các bước nhập số liệu tương tự như ví dụ (a). Chương trình sẽ in ra Nhật ký chung (Biểu 2.3) và các sổ cái liên quan (Biểu 2.6 và 2.7).

Dưới đây là mẫu hoá đơn số 55960.

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
HP/2009B

Liên 3: Nội bộ

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

0055960

Đơn vị bán hàng: *Công ty CP chế biến lâm sản Quảng Ninh.*

Địa chỉ: *Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh.*

Số TK: *10.2010000.225757 tại Ngân hàng Công Thương Uông Bí, Quảng Ninh*

Điện thoại: *0333 850 578*

- Mã số thuế: *5700 541 860*

Họ tên người mua hàng: *Bùi Quang Huy Chiến*

Đơn vị: *Công ty TNHH Hoàng Nam*

Địa chỉ: *Nguyễn Bình Khiêm - Hải An - Hải Phòng*

Số tài khoản: - Tại ngân hàng:

Hình thức thanh toán: *T/M*

MST: *0200351090*

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
<i>1</i>	<i>Mùn c- a ép bánh</i>	<i>Bánh</i>	<i>35</i>	<i>13.000</i>	<i>5.250.000</i>

Cộng tiền hàng:	<i>5.250.000</i>
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT :	<i>525.000</i>
Tổng cộng tiền thanh toán:	<i>5.775.000</i>

Số tiền viết bằng chữ: *Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

c) Ngày 22/12/2009, Công Ty TNHH Thái Bình có mua thành phẩm gỗ xẻ theo hợp đồng số 86/HĐ-KHTT với tổng số tiền là 440.220.000 đồng./.

UBND TỈNH QUẢNG NINH
CTCP Chế Biến Lâm Sản QN
Số 86/HĐ-KHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Uông Bí, ngày 22 tháng 12 năm 2009

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
“Về việc bán gỗ xẻ”

Căn cứ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng hai bên:

Đại diện hai bên gồm có:

Bên A: Công ty CP chế biến lâm sản Quảng Ninh.

Địa chỉ: Nam Khê - Uông bí - Quảng Ninh.

Điện thoại: 0333 850 578 - Fax: 0333 852 008

Số tài khoản: 102010000225757 - Tại ngân hàng Công thương Uông bí.

Mã số thuế: 5700541860

Do ông: Phí Bằng Vang - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Bên B: Công ty TNHH Thái Bình

Địa chỉ: Tr- ng V- ong, Uông Bí, Quảng Ninh.

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: 8011211030033 - Tại ngân hàng NN và PT NT Uông Bí.

Mã số thuế: 5700549563

Do ông: Nguyễn Hữu Hậu - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1: Điều khoản giá bán:

Bên A bán cho bên B sản phẩm gỗ xẻ với số lượng và giá cả cụ thể như sau:

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gỗ keo xẻ các loại	M ³	0,635	2.300.000	1.460.500
2	Thành phẩm gỗ thông xẻ	M ³	33,242	2.300.000	76.456.600
3	Thành phẩm gỗ trẩu xẻ	M ³	140,123	2.300.000	322.282.900
	Tổng cộng				400.200.000

Giá trị hợp đồng: Bốn trăm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.

(Giá trị trên ch- a có thuế VAT 10%).

Điều 2: chất l- ợng hàng hoá, hình thức giao nhận:

1.Chất l- ợng hàng hoá:

Hàng mới 100% ch- a qua sử dụng đảm bảo chất l- ợng kỹ thuật .

Hàng do Công ty CP Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh SX.

Bên A có trách nhiệm về chất l- ợng và chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật về nguồn gốc xuất xứ hàng hoá.

2.Hình thức giao nhận:

Hàng đ- ợc giao tại kho bên B, c- ớc phí bốc xếp, vận chuyển do bên B chịu.

Điều 3: Hình thức thanh toán:

Bên B thanh toán cho bên A giá trị lô hàng bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản khi đã có đầy đủ thủ tục nhập kho.

Điều 4: Cam kết:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có gì v- ớng mắc hai bên cùng gặp gỡ và thống nhất giải quyết khi thực hiện hợp đồng, hai bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mình, đ- ợc xác lập trong bản hợp đồng này sau 15 ngày hai bên không còn ý kiến gì khác thì hợp đồng này coi nh- đã thanh lý.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và đ- ợc lập thành 6 bản, có giá trị nh- nhau, mỗi bên giữ 3 bản.

Đại diện bên A

Giám đốc

Đại diện bên B

Giám đốc

Phí Bằng Vang

Nguyễn Hữu Hậu

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế khi xuất hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT để làm căn cứ tính thuế và vào chi tiết thành phẩm.

Từ các nghiệp vụ trong tháng, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, các sổ cái liên quan và các sổ chi tiết.

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
HP/2009B

Liên 3: Nội bộ

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

055953

Đơn vị bán hàng: *Công ty CP chế biến lâm sản Quảng Ninh.*

Địa chỉ: *Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh.*

Số TK: *10.2010000.225757 tại Ngân hàng Công Thương Uông Bí, Quảng Ninh*

Điện thoại: *0333 850 578*

- Mã số thuế: *5700 541 860*

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị: *Công ty TNHH Thái Bình*

Địa chỉ: *Trưng Vương - Uông Bí - Quảng Ninh.*

Số tài khoản: *8011211030033* - Tại ngân hàng: *Công Thương Uông Bí.*

Hình thức thanh toán: *CK*

MST: *0.200351090*

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	<i>Gỗ keo xẻ các loại</i>	<i>M³</i>	<i>0,635</i>	<i>2.300.000</i>	<i>1.460.500</i>
2	<i>Thành phẩm gỗ thông xẻ</i>	<i>M³</i>	<i>33,242</i>	<i>2.300.000</i>	<i>76.456.600</i>
3	<i>Thành phẩm gỗ trẩu xẻ</i>	<i>M³</i>	<i>140,123</i>	<i>2.300.000</i>	<i>322.282.900</i>

Cộng tiền hàng:	<i>400.200.000</i>
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT :	<i>40.020.000</i>
Tổng cộng tiền thanh toán:	<i>440.220.000</i>

Số tiền viết bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	382 859 817	
		Thành phẩm	155		382 859 817
		Phải thu của khách hàng	131	400 200 000	
		Doanh thu bán các thành phẩm	5112		400 200 000
		Phải thu của khách hàng	131	40 020 000	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		40 020 000
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a)			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	4 550 000	
		Thành phẩm	155		4 550 000
		Phải thu của khách hàng	131	5 250 000	
		Doanh thu khác	5118		5 250 000
		Phải thu của khách hàng	131	525 000	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		525 000
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	174 727 009	
		Thành phẩm	155		174 727 009
		Phải thu của khách hàng	131	327 038 796	
		Doanh thu hàng xuất khẩu	5113		327 038 796
.....
		Tổng cộng		16 911 751 524	16 911 751 524

Biểu 2.3: Trích nhật ký chung (Tháng 12 năm 2009)

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha (CT TNHH Thái Bình)	131		400 200 000
...
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 -> 911	911	1 804 810 820	
		Cộng phát sinh		1 804 810 820	1 804 810 820
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.4: Trích sổ cái tài khoản 5112 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5113 - Doanh thu hàng xuất khẩu

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
...
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh (Asano)	131		327 038 796
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 -> 911	911	715 938 620	
		Cộng phát sinh		715 938 620	715 938 620
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.5: Trích sổ cái tài khoản 5113 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5118 - Doanh thu khác

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a) CTTNHH Hoàng Nam	131		5 250 000
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 -> 911	911	5 250 000	
		Cộng phát sinh		5 250 000	5 250 000
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.6: Trích sổ cái tài khoản 5118 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha (CTTNHH Thái Bình)	131		400 200 000
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a) CTTNHH Hoàng Nam	131		5 250 000
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh (Asano)	131		327 038 796
.....
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 -> 911	911	4 218 052 553	
		Cộng phát sinh		4 218 052 553	4 218 052 553
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.7: Trích sổ cái tài khoản 511 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 33311 - Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha	131		40 020 000
25/12/2009	55954	Tủ tài liệu	131		1 031 524
26/12/2009	55955	Cọc gỗ	131		1 801 800
26/12/2009	55956	Gỗ chống lò, chèn lò	131		41 326 700
28/12/2009	55957	Gỗ chống lò, chèn lò	131		44 982 000
30/12/2009	55958	Gỗ xẻ	131		1 800 000
28/12/2009	55960	Phế liệu (mìn cưa)	131		525 000
28/12/2009	55961	Gỗ chống lò, chèn lò	131		44 982 000
.....
31/12/2009	002	Kết chuyển thuế GTGT 3331 ->13311		350 211 393	
		Cộng phát sinh trong kỳ		350 211 393	350 211 393
		Dư cuối kỳ			

Biểu 2.8: Trích sổ cái tài khoản 33311 tháng 12 năm 2009

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

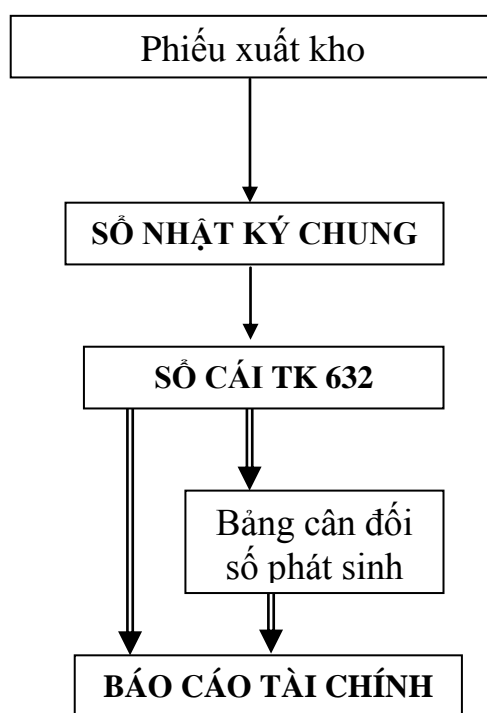
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán.

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 6321: Giá vốn hàng bán của hàng hoá
- TK 6322: Giá vốn hàng bán của thành phẩm
- TK 155, TK 156, TK 152, TK 153.

2.2.2.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



2.2.2.4 Ví dụ minh họa:

Ngày 30/12/2009, Công Ty Asano Enterprises INC có đặt công ty 1 kiện hàng gỗ ghép thanh qua mail.

Dựa vào đơn hàng, kế toán viết hoá đơn số 55962 với tổng số tiền là 17.725,68 USD, áp dụng tỷ giá 1 USD = 18.450 đồng tại ngày 30/12/2009, tương đương với 327.038.796 đồng.

Đồng thời, kế toán tiến hành viết hoá đơn số 55962, nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Chương trình sẽ in ra Nhật ký chung (Biểu 2.9) và các sổ cái liên quan của nghiệp vụ này (Biểu 2.10, Biểu 2.11, Biểu 2.12, Biểu 2.13)

Khi xuất vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sản xuất Công ty tính giá theo phương pháp **bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**.

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Cụ thể:

$$\text{- Đơn giá xuất} = \frac{2.946.306.270 + 1.855.267.941}{586 + 369} = \frac{4.801.574.211}{955} = 5.027.826 \text{ (Đồng/m}^3\text{)}$$

$$\text{- Trị giá hàng xuất} = 34,752 * 5.027.826 = 174.727.009 \text{ (Đồng).}$$

Kế toán định khoản:

- Nợ TK 632: 174.727.009 đồng
 Có TK 155: 174.727.009 đồng
- Nợ TK 131: 327.038.796 đồng
 Có TK 5113: 327.038.796 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẢNG NINH
NAM KHÊ - UÔNG BÍ - QUẢNG NINH

Số: 86

Nợ TK 632: 174.727.023

Có TK 155: 174.727.023

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Người nhận:

Đơn vị: Công Ty Asano Enterprises INC

Địa chỉ: 12-13 Nishi Shinsaibashi, Chome Chuoko Osaka, Japan.

Nội dung: Xuất kho thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản

Kho: Kho thành phẩm (KTP)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thành phẩm gỗ ghép thanh NB	M ³	34,752	5.027.826	174.727.009
	Tổng tiền hàng				174.727.009
	Tiền thuế GTGT				
	Tổng Cộng Tiền Thanh Toán				174.727.009

Cộng thành tiền (bằng chữ): Một trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn không trăm hai mươi ba đồng.

Người Nhận
(Đã ký)

Thủ Kho
(Đã ký)

Kế toán vật tư
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	382 859 817	
		Thành phẩm	155		382 859 817
		Phải thu của khách hàng	131	400 200 000	
		Doanh thu bán các thành phẩm	5112		400 200 000
		Phải thu của khách hàng	131	40 020 000	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		40 020 000
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a)			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	4 550 000	
		Thành phẩm	155		4 550 000
		Phải thu của khách hàng	131	5 250 000	
		Doanh thu khác	5118		5 250 000
		Phải thu của khách hàng	131	525 000	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		525 000
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	174 727 009	
		Thành phẩm	155		174 727 009
		Phải thu của khách hàng	131	327 038 796	
		Doanh thu hàng xuất khẩu	5113		327 038 796
.....
		Tổng cộng		16 911 751 524	16 911 751 524

Biểu 2.9: Trích nhật ký chung tháng 12 năm 2009.

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 155 - Thành phẩm

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
- -		Số dư đầu kỳ		2 946 306 270	
....
22/12/2009	TP025	Nhập kho gỗ xẻ	154	616 542 080	
22/12/2009	055951	Gỗ xẻ	6322		13 200 012
22/12/2009	055953	Gỗ cốt pha	6322		400 200 000
25/12/2009	055954	Tủ tài liệu	6322		7 976 047
25/12/2009	055955	Bàn ghế, bục tượng Bức, bục nói chuyện	6322		70 131 979
26/12/2009	055956	Bục nói chuyện, ghế tựa, khung xương	6322		49 267 906
26/12/2009	055957	Gỗ ghép thanh	6322		16 900 000
28/12/2009	055960	Phế liệu (mùn cưa)	6322		4 550 000
30/12/2009	055962	Gỗ ghép thanh	6322		174 727 009
30/12/2009	055963	Gỗ xẻ	6322		19 800 016
31/12/2009	TP026	Nhập kho thành phẩm tháng 12	154	318 815 000	
31/12/2009	TP027	Nhập kho thành phẩm tháng 12	154	193 489 500	
- -		Cộng phát sinh trong kỳ		1.855.267.941	1 335 683 490
- -		Số dư cuối kỳ		5 839 172 214	

Biểu 2.10: Trích sổ cái TK 155 tháng 12 năm 2009.

Công ty CP Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Kho Thành Phẩm từ 01/12/2009 đến 31/12/2009

Mã VT	Tên Vật T-	ĐVT	Tồn đầu	D- đầu	SL Nhập	Tiền Nhập	SL Xuất	Tiền Xuất	Tồn cuối	D- Cuối
TP	Thành phẩm		315	765 859 756	51	1 124 296 580	262	917 208 102	104	2 972 948 234
TP001GT-ĐL	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Đài Loan	M3	29	813 689 559					153	813 689 559
TP002GT-MY	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Mỹ	m3	21	257 472 357					45	257 472 357
TP003GT-NB	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nhật Bản	M3	10	533 095 159	40	220 654 500	64	349 454 046	73	404 295 613
TP005GT-NĐ	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Nội Địa	M3	8	452 302 480	10	56 375 000			96	508 677 480
TP006	Thành phẩm mộc nội địa	M3	129	1 509 681 825	19	213 825 000	64	740 711 976	85	982 794 849
TP007	Nan gỗ bếp	M3	1	6 018 376					1	6 018 376
TP008	Thành phẩm gỗ thông xẻ	m3	88	193 600 000	140	308 271 040	228	501 871 040		
TP009- Đ	Thành phẩm gỗ Ghép Thanh Đức	M3			1	16 900 000	1	16 900 000		
TP010	Thành phẩm gỗ trẩu xẻ	m3			140	308 271 040	140	308 271 040		
.....
	Tổng cộng		586	2.946.306.270	369	1.855.267.941	825	1 335 683 490	130	5 839 172 214

Biểu 2.11: Trích bảng tổng hợp N - X - T tháng 12 năm 2009.

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6322 - Giá Vốn Hàng Bán Của Thành Phẩm

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
.....
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha (CTTNHH Thái Bình)	155	381 403 504	
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a) CTTNHH Hoàng Nam	155	4 550 000	
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh (Asano)	155	174 727 009	
.....
31/12/2009	C1	Doanh thu bán hàng 632 -> 911	911		1 921 758 102
		Cộng phát sinh		1 921 758 102	1 921 758 102
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.12: Trích sổ cái tài khoản 6322 tháng 12 năm 2009

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá Vốn Hàng Bán

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
.....
22/12/2009	55953	Gỗ cốt pha (CTTNHH Thái Bình)	155	381 403 504	
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a) CTTNHH Hoàng Nam	155	4 550 000	
30/12/2009	55962	Gỗ ghép thanh (Asano)	155	174 727 009	
.....
31/12/2009	C1	Doanh thu bán hàng 632 -> 911	911		3 467 870 953
		Cộng phát sinh		3 467 870 953	3 467 870 953
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.13: Trích sổ cái tài khoản 632 tháng 12 năm 2009

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn GTGT, Phiếu thu dịch vụ kiêm hoá đơn (chứng từ ngân hàng)
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu kế toán.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

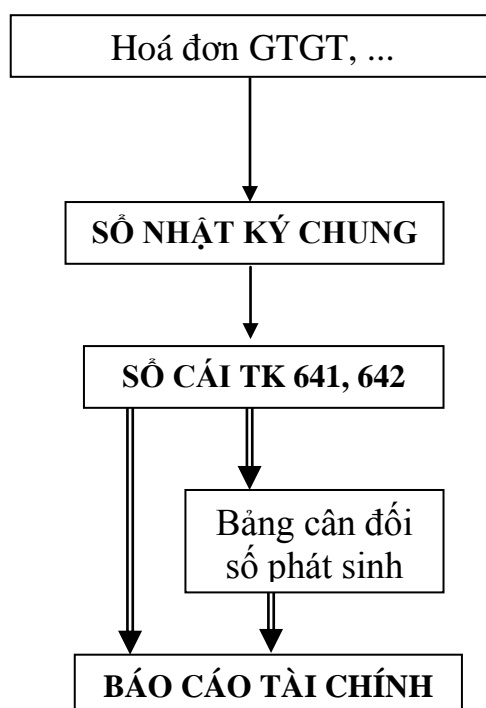
- TK 6415: Phí bảo hành, phí, lệ phí.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Và:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6427: Tiền xăng dầu
- TK 6428: Chi phí quản lý khác

2.2.3.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:



2.2.3.4 Ví dụ minh họa:

a) Ngày 27/12/2009, dựa vào hoá đơn chuyển phát nhanh DHL số 22788, kế toán kiểm tra thông tin trên hoá đơn và nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Chương trình sẽ in ra sổ Nhật ký chung (Biểu 2.14) và các sổ cái liên quan đến nghiệp vụ này (Biểu 2.15 và 2.16)

b) Ngày 28/12/2009, Công Ty có chuyển trả tiền dịch vụ cho công ty Dịch Vụ Tư Vấn Viễn Đông qua Ngân Hàng Công Thương, kế toán kiểm tra số phí chuyển tiền phải thanh toán trên phiếu thu dịch vụ kèm hoá đơn của ngân hàng rồi nhập số liệu vào phần mềm. Chương trình sẽ in ra sổ Nhật ký chung (Biểu 2.14) và các sổ cái liên quan đến nghiệp vụ này (Biểu 2.17 và Biểu 2.18)

Kế toán định khoản:

a) Nợ TK 6415: 732.263 đồng
Có TK 111: 732.263 đồng

b) Nợ TK 6425: 200.000 đồng.
Nợ TK 13311: 20.000 đồng
Có TK 1121CT: 220.000 đồng

Cty TNHH Chuyển Phát Nhanh DHL - VNPT
4 Phan Thúc Duyen, Tân Bình, Hồ Chí Minh
Tel: 848 844 6203 Fax: 848 847 8137
MST: 0304680974

HOÁ ĐƠN GTGT
VAT INVOICE
Ngày 27 tháng 12 năm 2009

DHL
Mẫu số: 01 GTKT 3LL-02
Ký hiệu số: AA/2008-T
Số hoá đơn: **22788**

Họ và tên khách hàng: Quang Ninh forest processing joint stock Co.

Địa chỉ: Nam Khe ward - Uong Bi town - Quang Ninh.

Số hiệu tài khoản:

Hình thức thanh toán: *TM*

MST: 5700541860

STT	Ngày vận chuyển	Số vận đơn	Nơi đến/đi	Trọng l- ọng	Thành tiền
A	B	C	D	E	F
1	02/12	1446620162	Japan	0,5	732.263

Cộng (*Sub-Total*): 732.263

Thuế suất GTGT (*VAT rate*): 10% Tiền thuế GTGT: 73.227

Tổng cộng tiền thanh toán: 805.490

Tổng số tiền viết bằng chữ: Tám trăm linh năm nghìn bốn trăm chín m- oi
đồng./.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị.

Đề nghị thanh toán cho DHL theo TK: CT TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT
(Payment in favour of DHL) US\$ A/C No: 001-174499-101, HSBC, HCMC
VND A/CNo:001-174499-001,HSBC,HCMC

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

VietinBank

Phiếu thu dịch vụ kiêm hoá đơn

Số No MS2010T3040000674

Service Charge Receipt

Ngày Date 28/12/2009 Giờ Time 16:44:22

(Phát hành theo CV số 10429/CT-QTTAC

MST GTGT CNNHCT VietinBank Br.'S VAT code 0100111948-092

Ngày 24/06/2009 của cục thuế TP Hà Nội

MST GTGT Khách Hàng Customer's VAT code 5700541860

Liên 2 Chứng từ hạch toán Copy 2 Accounting Document

Tên khách hàng Name of Customer CT CP Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Địa chỉ Address Phuong Nam Khe - Thi Xa Uong Bi - Tinh Quang Ninh Điện thoại Tel 852008

Số tài khoản Account No	Tên tài khoản Account name	Số tiền Amount
Nợ Debit 10201-0000225757-7:VND	CTCP CB LAM SAN QN	220,000.00 VND
Có Credit 462101001	THUE GTGT PHAI NOP	20,000.00 VND
Có Credit 7316001003	PHI CHUYEN TIEN	200,000.00 VND

Có Credit

Tổng số tiền bằng chữ Total amount in words **HAI TRAM HAI MUOI NGHIN DONG CHAN**

Nội dung Remarks **PHÍ CHUYỂN TIỀN**

Khách hàng	Thủ quỹ	Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Người phê duyệt
Customer	Cashier	Teller	Supervisor	Approved by

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
27/12/2009	534	Thanh toán tiền gửi chứng từ sang Nhật			
		Phí bảo hành, phí, lệ phí	6415	732 263	
		Thuế VAT đ- ọc khấu trừ của hàng hoá DV	13311	73 227	
		Tiền mặt VNĐ	1111		805 490
28/12/2009	CT	Phí chuyển tiền			
		Thuế, phí và lệ phí	6425	200 000	
		Thuế VAT đ- ọc khấu trừ của hàng hoá DV	13311	20 000	
		Tiền gửi VNĐ NH Công Th- ơng	1121CT		220 000
28/12/2009	55960	Phế liệu (mùn c- a)			
		Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322	4 550 000	
		Thành phẩm	155		4 550 000
		Phải thu của khách hàng	131	5 250 000	
		Doanh thu khác	5118		5 250 000
		Phải thu của khách hàng	131	525 000	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		525 000
....
		Tổng cộng		31 195 619 366	31 195 619 366

Biểu 2.14: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6415 - Phí Bảo Hành, Phí, Lệ Phí

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
...	
27/12/2009	534	Thanh toán tiền gửi chứng từ sang Nhật	1111	732 263	
31/12/2009	C3	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 --> 9111	9111		732 263
		Cộng phát sinh trong kỳ		732 263	732 263
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.15: Trích sổ cái tài khoản 6415 tháng 12 năm 2009

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 641 - Chi Phí Bán Hàng

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
1/12/2009	NT	Trả tiền hàng	131	802 800	
1/12/2009	532	Thanh toán phí khử trùng Container theo HĐ 85268	1111	272 727	
27/12/2009	534	Thanh toán tiền gửi chứng từ sang Nhật	1111	732 263	
28/12/2009	SCB	Trả tiền mua hàng	131	1 012 000	
29/12/2009	CT	Chi phí bán hàng	131	88 700	
31/12/2009	C3	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 --> 9111	9111		2 908 490
		Cộng phát sinh trong kỳ		2 908 490	2 908 490
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.16: Trích sổ cái tài khoản 641 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6425 - Thuế, phí, lệ phí

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
.....	
25/12/2009	SCB	Phí chuyển USD	1122SG	19 624	
26/12/2009	CT	Phí DVTT 20.000 USD	1122CT	202 400	
28/12/2009	CT	Phí chuyển tiền	1121CT	693 033	
28/12/2009	599	Phí chuyển tiền	1111	828 000	
28/12/2009	CT	Phí chuyển tiền	1121CT	220 000	
30/12/2009	604	Phí chuyển tiền	1111	310 000	
30/12/2009	NT	Phí chuyển chứng từ	1121NT	1 621 906	
31/12/2009	NT	Phí quản lý TK	1121NT	11 000	
31/12/2009	C2	K/c CP QLDN 642 --> 9111	9111		3 304 860
		Cộng phát sinh trong kỳ		3 304 860	3 304 860
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.17: Trích sổ cái tài khoản 6425 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
.....
09/12/2009	531	Thanh toán tiền xăng xe đi theo HĐ 25768	1111	298 182	
10/12/2009	CT	Phí CT cho CT National	1121CT	34 650	
11/12/2009	540	Thanh toán tiền phí quốc lộ	1111	1 040 000	
13/12/2009	CT	TT tiền giới thiệu thông tin	1121CT	4 090 909	
15/12/2009	DT	Thu phí EMS tháng 11/09	1121DT	22 000	
16/12/2009	CT	Phí chuyển tiền	1121CT	33 000	
16/12/2009	CT	Phí rút tiền vay bằng TM	1121CT	200 000	
21/12/2009	CT	Phí thông báo th tín dụng	1122CT	356 800	
23/12/2009	567	Thanh toán tiền phí khử trùng	1111	272 727	
28/12/2009	568	Thanh toán tiền phí EMS	1111	108 627	
28/12/2009	592	TT tiền phòng nghỉ đi công tác	1111	1 493 471	
28/12/2009	CT	Phí chuyển tiền	1121CT	220 000	
31/12/2009	NT	Phí quản lý TK	1122NT	19 624	
31/12/2009	C2	Kết chuyển CP QLDN 642 --> 9111	9111		8 529 270
		Cộng phát sinh trong kỳ		8 529 270	8 529 270
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.18: Trích sổ cái tài khoản 642 tháng 12 năm 2009

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

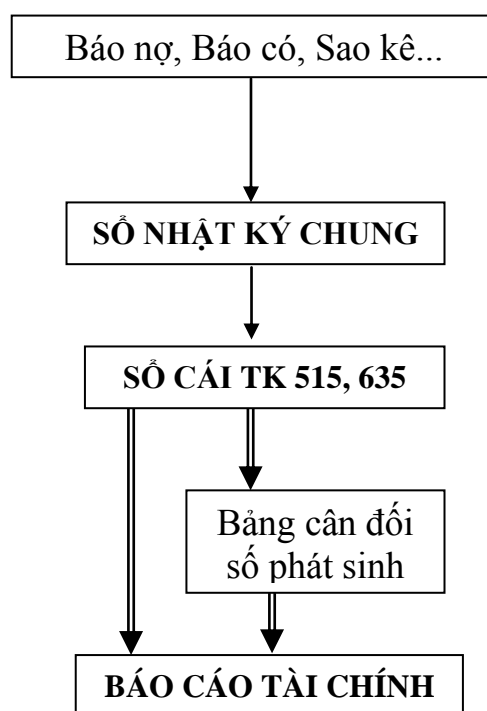
- Giấy báo nợ, báo có, bảng sao kê tài khoản.
- Phiếu kế toán.

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 6351: Lãi vay ngân hàng.
- TK 6352: Lãi vay phải trả công nhân viên

2.2.4.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính :



2.2.4.4 Ví dụ minh họa:

a) Ngày 31/12/2009, Công Ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi tháng 11 của Ngân Hàng Ngoại Thương số tiền là 418.942 đồng.

Kế toán tiến hành kiểm tra số liệu rồi nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Chương trình sẽ in ra sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19) và các sổ cái liên quan tới nghiệp vụ này (Biểu 2.20)

b) Ngày 31/12/2009, từ phiếu hạch toán của Ngân Hàng Công Thương về lãi tiền vay TK 21811-000003848 là 2.750.000 đồng.

Kế toán tiến hành kiểm tra số liệu trên Phiếu hạch toán rồi nhập số liệu vào phần mềm. Chương trình sẽ in ra sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19) và các sổ cái liên quan tới nghiệp vụ này (Biểu 2.21 và Biểu 2.22)

Dưới đây là Giấy Báo Có Lãi Tiền Gửi của Ngân Hàng Ngoại Thương và Phiếu Hạch Toán của Ngân Hàng Công Thương.

Vietcombank

Chi nhánh 014

GIAY BAO CO TRA LAI TIEN GUI

Mattv: A809

Ngày 31/12/2009

TEN DON VI: CTY CO PHAN CHE BIEN LAM SAN QUANG NINH SO cif: 1097813

SO TAI KHOAN : 014.1.00.011379.5

Tu ngày	:	Den ngày	:	Lai suất	:	Tien lai
30/11/2009		31/12/2009		2.4000000000		418 942.00
Tong cong						418 942.00

Thanh toan vien

Kiem soat vien

Truong phong

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam

VietinBank

Phiếu hạch toán

Account transfer Slip

Số No 0073 Ngày Date 29/12/2009

Liên 2 Giấy báo Nợ/Có Copy 2 Debit/Credit Advice

Số tài khoản A/c No	Tên tài khoản A/c Name	Số tiền Amount
Nợ Debit 10201-0000225757-7:VND	CTCP CB LAM SAN QN	2,750,000.00 VND
Có Credit		
Có Credit 21811-000003848-2	CTCP CB LAM SAN QN	2,750,000.00 VND

Tổng số tiền bằng chữ Total amount in words VND HAI TRIEU BAY TRAM NAM MUOI
NGHIN CHAN

Nội dung Remarks THU LAI T12/2009

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Người phê duyệt

Teller

Supervisor

Approved by

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
..
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000083657			
		Lãi vay ngân hàng	6351	5 229 167	
		Tiền gửi VNĐ NH Ngoại Th- ong	1121NT		5 229 167
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 21811-000003848-2			
		Lãi vay ngân hàng	6351	2.750.000	
		Tiền gửi VNĐ NH Ngoại Th- ong	1121CT		2.750.000
31/12/2009	CT	Lãi tiền gửi			
		Tiền gửi VNĐ NH Công Th- ong	1121CT	377 411	
		Doanh thu hoạt động tài chính	515		377 411
31/12/2009	CT	Lãi tiền gửi			
		Tiền gửi VNĐ NH Ngoại Th- ong	1121NT	418 942	
		Doanh thu hoạt động tài chính	515		418 942
..
		Tổng cộng		49 773 688 412	49 773 688 412

Biểu 2.19: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		D- đầu kỳ			
...
31/12/2009	CT	Lãi tiền gửi	1122CT		6 992
31/12/2009	CT	Lãi tiền gửi	1121CT		377 411
31/12/2009	NT	Lãi tiền gửi	1121NT		418 942
31/12/2009	DT	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121DT		74 913
31/12/2009	SCB	Lãi tiền gửi ngân hàng	1121SG		9 200
31/12/2009	SCB	Lãi tiền gửi ngân hàng	1122SG		11 040
31/12/2009		Chênh lệch tỉ giá tại thời điểm	3411NTD		25 655 000
31/12/2009	D4	Thu nhập hoạt động tài chính 515 --> 9111	9111	63 416 000	
		Tổng phát sinh		63 416 000	63 416 000
		D- cuối kỳ			

Biểu 2.20: Trích sổ cái tài khoản 515 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6351 - Lãi Vay Ngân Hàng

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
...
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0148000016077	1121NT	512 459	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000083657	1121NT	5 229 167	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 21811-000003848-2	1121NT	2.750.000	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000084396	1121NT	1 399 584	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000085943	1121NT	9 517 083	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000087523	1121NT	2 208 828	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000017578	1121NT	1 679 193	
31/12/2009	CT	Lãi vay TK 217110001882207	1121CT	1 512 000	
31/12/2009	C4	CP hoạt động tài chính 635 --> 9111	9111		20 343 034
		Cộng phát sinh trong kỳ		20 343 034	20 343 034
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.21: Trích sổ cái tài khoản 6351 tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi Phí Tài Chính

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
...
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0148000016077	1121NT	512 459	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000083657	1121NT	5 229 167	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 21811-000003848-2	1121NT	2.750.000	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000084396	1121NT	1 399 584	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000085943	1121NT	9 517 083	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000087523	1121NT	2 208 828	
29/12/2009	NT	Lãi vay TK 0147000017578	1121NT	1 679 193	
30/12/2009	TN	Lãi vay ngắn hạn t- nhân	3112	1 512 000	
31/12/2009	CT	Lãi vay TK 217110001874886	1121CT	1 028 952	
31/12/2009	CT	Lãi vay TK 21711000182200	1121CT	1 109 552	
31/12/2009	C4	CP hoạt động tài chính 635 --> 9111	9111		840 977 824
		Cộng phát sinh trong kỳ		840 977 824	840 977 824
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.22: Trích sổ cái tài khoản 635 tháng 12 năm 2009

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Năm 2009, Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh không có nghiệp vụ phát sinh với tài khoản 811 - Chi phí khác.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

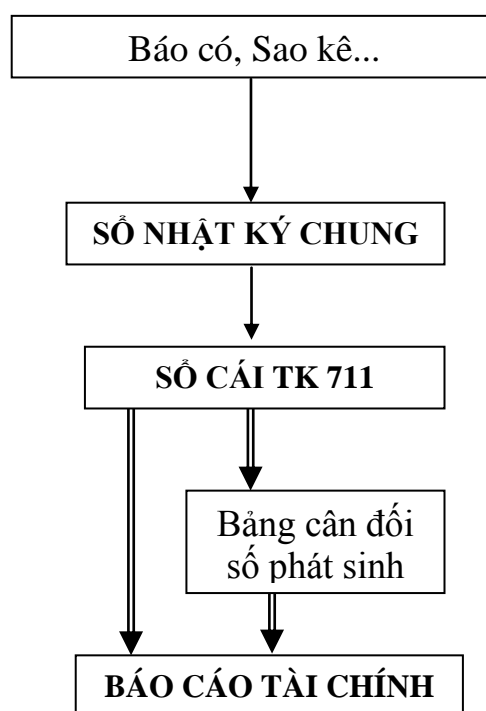
- Báo có, Sao kê.
- Phiếu kế toán .

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 7114: Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại
- TK 7116: Thu bằng tiền khác.

2.2.5.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



2.2.5.4 Ví dụ minh họa:

Trong kỳ kinh doanh năm 2009, công ty có xuất 1 chuyến hàng đi Nhật bằng đường thủy tại cảng Chùa Vẽ - Hải Phòng. Khi làm thủ tục hải quan để xuất chuyến hàng này tại Chi Cục Hải Quan Gia Thủy - Hưng Yên, nhân viên hải quan đã áp nhậm mức thuế đối với mặt hàng xuất khẩu của công ty.

Khi phát hiện ra sự nhầm lẫn, Chi Cục Hải Quan Gia Thủy đã chuyển trả tiền thuế áp nhầm là 25.858.821 đồng cho Công Ty qua Ngân Hàng Công Thương vào ngày 14/10/2009.

Khi có Giấy Báo Có từ Ngân Hàng Công Thương, kế toán kiểm tra số liệu, nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Chương trình sẽ in ra Nhật ký chung (Biểu 2.23) và các sổ cái liên quan đến nghiệp vụ này (Biểu 2.24 và Biểu 2.25)

Dưới đây là mẫu Giấy báo có, sổ nhật ký chung và các sổ cái liên quan.

Lệnh chuyển có

Số lệnh: LA 00020255 **Ngày lập:** 14/12/2009 **SBT:** 1

Ký hiệu chứng từ và nội dung loại nghiệp vụ 30 Lệnh chuyển Có - 101 CT cho các TCKt

Ngân hàng thành viên gửi lệnh: NHTMCP Quoc Te Hung Yen

Mã NH: 22314001

Ngân hàng thành viên nhận lệnh Ngân hàng Công Thương Uông Bí

Mã NH: 22201005

Người trả/chuyển tiền: CHI CUC HAI QUAN GIA THUY

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản:

Tại: 22314001 NHTMCP QTe CN HYen

Người thụ hưởng: CTY CP CHE BIEN LAM SAN QUANG NINH

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản: 1 02.01.0000.225.757 **Tại:** 22201005 NHCT UONG BI

Mã số thuế:

Mục lục ngân sách:

Nội dung: CHUYEN TRA TIEN THUE

Số tiền

25.858.821 VNĐ

Bằng chữ: Hai mươi năm triệu tám trăm lăm mươi tám nghìn tám trăm hai mươi một đồng.

Truyền đi lúc giờ phút

Nhận lúc 10 giờ 55 phút

NHCT : Bùi Thị Vân

Kế toán

Kiểm soát

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	Tài Khoản	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...
14/12/2009	CT	Trả tiền hàng			
		Tiền gửi VNĐ NH Công Thương	1121CT	99 554 400	
		Phải thu của khách hàng	131		99 554 400
14/12/2009	CT	Chi cục HQ gia thụ trả tiền thuế			
		Tiền gửi VNĐ NH Công Thương	1121CT	25 858 821	
		Các khoản thuế được NSNN hoàn lại	7114		25 858 821
14/12/2009	442	T.T tiền phí khử trùng Container			
		Chi phí bằng tiền khác	6418	272 727	
		Thuế VAT đ- ọc khấu trừ của hàng hoá DV	13311	27 273	
		Tiền mặt VNĐ	1111		300 000
...
		Tổng cộng		740 159 627	740 159 627

Biểu 2.23: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 7114 - Các Khoản Thuế được NSNN hoàn lại

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
14/12/2009	CT	Chi cục HQ Gia Thủy trả tiền thuế	1121CT		25 858 821
31/12/2009	D5	Thu nhập khác 711 --> 9111	9111	25 858 821	
		Cộng phát sinh trong kỳ		25 858 821	25 858 821
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.23: Trích sổ cái tài khoản 7114 tháng 12 năm 2009

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu Nhập Khác

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số d- đầu kỳ			
....
14/12/2009	CT	Chi cục HQ Gia Thủy trả tiền thuế	1121CT		25 858 821
16/12/2009	NHCT	Bù trừ tiền vay	3111CT		88 150
31/12/2009	D5	Thu nhập khác 711 --> 9111	9111	30 211 182	
		Cộng phát sinh trong kỳ		30 211 182	30 211 182
		Số d- cuối kỳ			

Biểu 2.23: Trích sổ cái tài khoản 711 tháng 12 năm 2009

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

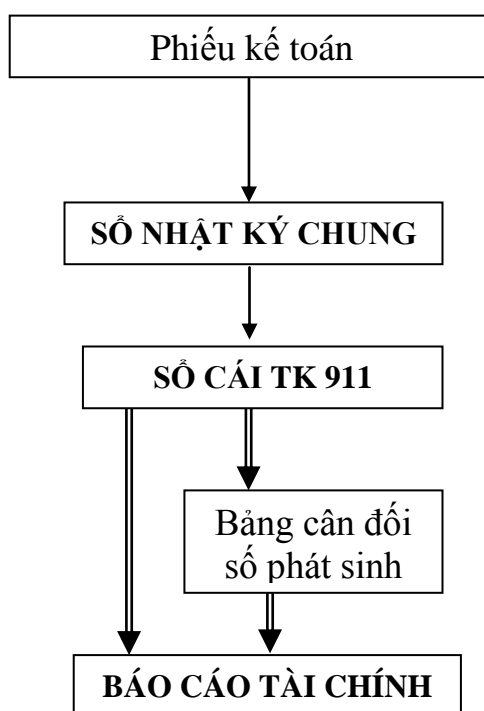
- Phiếu kế toán.

2.2.6. Tài khoản sử dụng:

- TK 9111: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác:



2.2.6.4 Ví dụ minh họa:

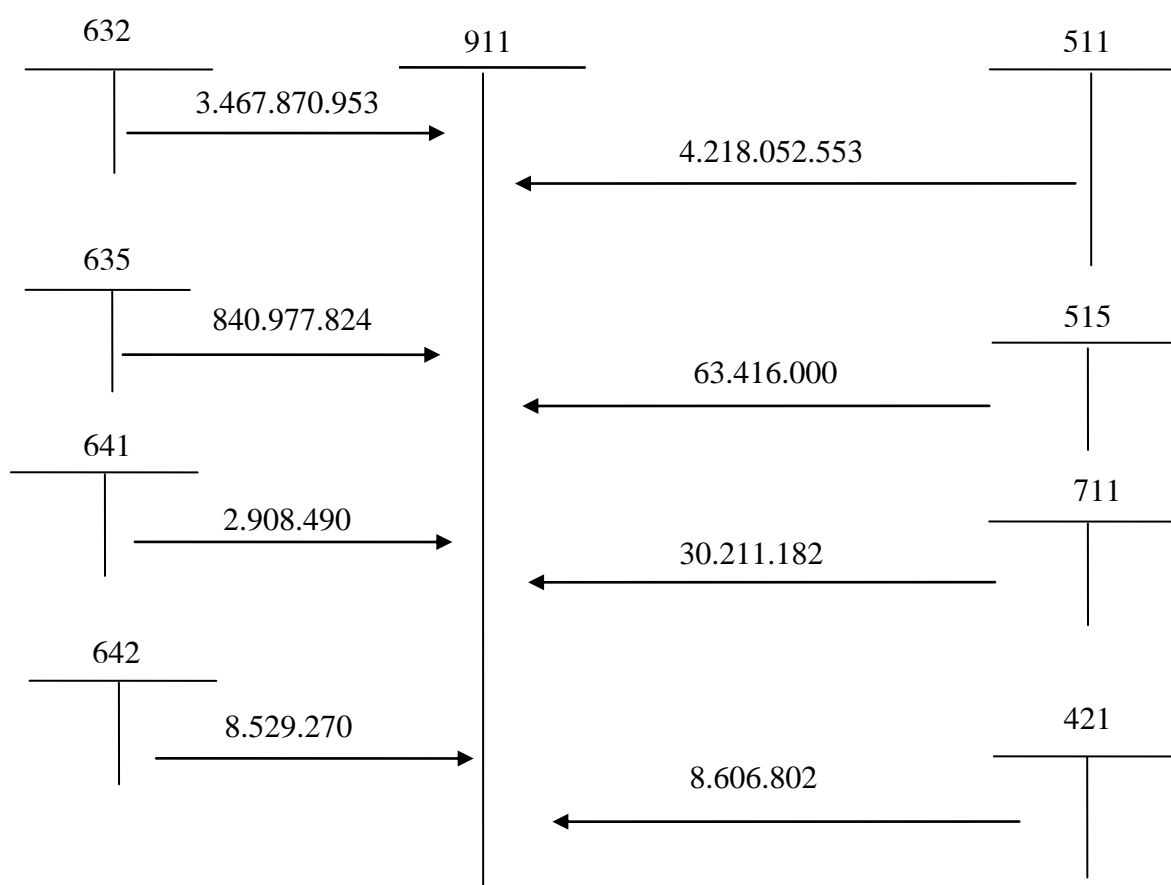
- Năm 2009, Thu nhập hoạt động tài chính (515) là 63.416.000 đồng.
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (511) là 4.218.052.553 đồng
Thu nhập khác (711) là 30.211.182 đồng
Giá vốn hàng bán (632) là 3.467.870.953 đồng
Chi phí quản lý doanh nghiệp (642) là 8.529.270 đồng
Chi phí bán hàng (641) là 2.908.490 đồng

Chi phí tài chính (635) là 840.977.824 đồng

Lỗ trong kỳ được xác định là 8.606.802 đồng.

Kế toán thực hiện bút toán kết chuyển trên phần mềm. Chương trình sẽ in ra các phiếu kế toán thực hiện bút toán kết chuyển (Từ biểu 2.27 đến biểu 2.34), sổ Nhật ký chung (Biểu 2.35) và sổ cá tài khoản 911 (Biểu 2.36).

Biểu 2.26: Sơ đồ thực hiện các bút toán kết chuyển



Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	D4	Thu nhập hoạt động	515		911		63.416.000
		tài chính 515->911					
Tổng cộng							63.416.000

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.27: Bút toán kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	D2	Doanh thu bán	511		911		4.218.052.553
		hàng 511--> 911					
Tổng cộng							4.218.052.553

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.28: Bút toán kết chuyển doanh thu bán hàng

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	D5	Thu nhập khác	711		911		30.211.182
		711-->911					
Tổng cộng							30.211.182

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.29: Bút toán kết chuyển thu nhập khác

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	C1	Kết chuyển giá	911		632		3.467.870.953
		vốn 632 -->911					
Tổng cộng							3.467.870.953

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.30: Bút toán kết chuyển giá vốn

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	C2	Kết chuyển chi phí quản lý	911		642		8.529.270
		doanh nghiệp 642 -->911					
Tổng cộng							8.529.270

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.31: Bút toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	C3	Kết chuyển chi phí	911		641		2.908.490
		Bán hàng 641 -->911					
Tổng cộng							2.908.490

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.32: Bút toán kết chuyển chi phí bán hàng

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	C4	Kết chuyển chi phí	911		635		840.977.824
		tài chính 635 -->911					
Tổng cộng							840.977.824

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.33: Bút toán kết chuyển chi phí tài chính

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản				
Ngày	Số		Nợ	Tên ĐT	Có	Tên ĐT	Số tiền
31/12	C4	Kết chuyển lãi lỗ	421		911		8.606.802
		911 --> 421					
Tổng cộng							8.606.802

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu 2.34: Bút toán kết chuyển lỗ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 --> 9111			
		Doanh thu khác	5118	5 250 000	
		Doanh thu hàng xuất khẩu	5113	15 938 620	
		Doanh thu bán các thành phẩm	5112	1 893 429 838	
		Doanh thu bán hàng hóa	5111	2 303 434 313	
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		4 218 052 553
31/12/2009	D4	Thu nhập hoạt động tài chính 515 --> 9111			
		Doanh thu hoạt động tài chính	515	63 416 000	
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		63 416 000
31/12/2009	D5	Thu nhập khác 711 --> 9111			
		Thu nhập khác	711	30 211 182	
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		30 211 182
31/12/2009	C1	Giá vốn hàng bán 632 --> 9111			
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	3 467 870 953	
		Giá vốn hàng bán	632		3 467 870 953
31/12/2009	C2	Chi phí quản lý doanh nghiệp 642--> 9111			
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	8 529 270	
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		8 529 270
31/12/2009	C3	Chi phí bán hàng 641--> 9111			
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	911	2 908 490	
		Chi phí bán hàng	641		2 908 490
31/12/2009	C4	Chi phí tài chính 635 --> 9111			
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	840 977 824	
		Chi phí tài chính	635		840 977 824
31/12/2009	E1	Kết chuyển lãi lỗ 9111 --> 4212			
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	4212	8 606 802	
		Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	9111		8 606 802
		Tổng cộng		15 942 895 444	15 942 895 444

Biểu 2.35: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2009

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Phát Sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
31/12/2009	C1	Kết chuyển giá vốn 632 --> 9111	632	3 467 870 953	
31/12/2009	C2	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 642 --> 9111	642	8 529 270	
31/12/2009	C3	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 --> 9111	641	2 908 490	
31/12/2009	C4	Chi phí hoạt động tài chính 635 --> 9111	635	840 977 824	
31/12/2009	D2	Doanh thu bán hàng 511 --> 9111	511		4 218 052 553
31/12/2009	D4	Thu nhập hoạt động tài chính 515 --> 9111	515		63 416 000
31/12/2009	D5	Thu nhập khác 711 --> 9111	7116		30 211 182
31/12/2009	E1	Kết chuyển lãi lỗ 9111 --> 4212	4212		8 606 802
		Cộng phát sinh trong kỳ		4 320 286 537	4 320 286 537
		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.36: Trích Sổ cái tài khoản 911 tháng 12 năm 2009

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẢNG NINH

Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời nhưng khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Tuy nhiên, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc

công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và được khách hàng tín nhiệm.

Để có thể đánh giá khách quan và đưa ra được những ý kiến, biện pháp hợp lý, phù hợp với công ty trước hết phải phân tích những ưu và nhược điểm trong công tác tổ chức quản lý kế toán của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh.

3.1.1 Ưu điểm:

Cũng như tất cả các doanh nghiệp khác, để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường và trong môi trường cạnh tranh là một khó khăn rất lớn đối với Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh. Trong quá trình thực tập tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy bộ máy tổ chức quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình.

❖ Về tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh:

***) Về tổ chức bộ máy quản lý:**

Khi cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công Ty gặp khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự thay đổi về cung cách quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu đa dạng hóa các mặt hàng, tìm kiếm bạn hàng mới... đã đem lại cho Công ty một kết quả đáng mừng.

***) Về bộ máy kế toán:**

Công tác tổ chức bộ máy kế toán của công ty là hợp lý, phù hợp với bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty và hoạt động có hiệu quả, cung cấp kịp thời các thông tin về tình hình tài chính với cấp trên nhằm đưa ra các biện pháp kịp thời, nhanh chóng về tình hình tiêu thụ hàng hóa trên thị trường.

Kế toán trưởng là người giàu kinh nghiệm trong nghề, có trình độ toàn diện về kế toán, hiểu biết và nắm vững các chế độ kế toán, có khả năng hướng dẫn các kế toán viên thực hiện phần nhiệm vụ của mình. Nhờ đó mà các nhiệm vụ của phòng kế toán được thực hiện nhịp nhàng theo đúng chế độ quy định, đáp

ứng nhu cầu quản lý về mặt tài chính.

**) Về hình thức kế toán:*

Công ty đã áp dụng hệ thống kế toán “Nhật ký chung” do Bộ tài chính ban hành. Hình thức này có ưu điểm là dễ dàng trong phân công công việc. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Việc áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” cho thấy đơn vị biết khai thác khả năng về chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên kế toán toàn công ty, giảm lao động của phòng kế toán mà vẫn nhanh, chính xác những thông tin tài chính, phục vụ cho quản lý điều hành doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

**) Về sử dụng và luân chuyển chứng từ:*

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của công ty hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý.

Chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu giữ và bảo quản cẩn thận.

**) Về hệ thống và ghi chép sổ sách kế toán:*

Tổ chức hệ thống kế toán cũng là một nghệ thuật. Việc lựa chọn hình thức ghi sổ nào cho phù hợp với từng đơn vị phải tùy vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh gọn nhẹ, có độ tin cậy cao.

- Việc ghi chép đảm bảo tính hợp lý và có cơ sở pháp lý giúp công tác giám sát tình hình Nhập – Xuất – Tồn kịp thời, cung cấp thông tin kinh tế cần thiết chính xác đến bộ phận liên quan.

- Ở phòng kế toán công ty có sự phân công trách nhiệm cho mỗi người do đó giúp cho việc ghi sổ thống nhất, đảm bảo thuận tiện cho việc kiểm tra, đối

chiếu các sổ giữa các bộ phận kế toán.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

***) Về công tác kế toán doanh thu:**

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng giàu kinh nghiệm nên hiện nay phần lớn doanh thu đều được hạch toán theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình kinh doanh để từ đó có cách nhìn đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

***) Về công tác kế toán chi phí:**

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai không chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Kế toán đã mở sổ chi tiết tài khoản cấp hai cho từng loại chi phí phát sinh. Việc làm này là rất cần thiết giúp kế toán xác định được kết quả cụ thể, chính xác và việc quản lý được dễ dàng, từ đó có thể đưa ra các biện pháp hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

***) Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

Tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí nói riêng thì công ty còn những mặt hạn chế sau.

❖ Nhược điểm về tổ chức quản lý bộ máy kế toán:

***) Về hệ thống sổ sách sử dụng:**

Sổ cái tài khoản cũng chính là sổ chi tiết tài khoản, mẫu sổ (tên gọi) chưa được chính xác. Công ty có nhiều mặt hàng và thành phẩm tuy nhiên công ty lại

chưa có hệ thống sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng. Nhà quản trị không xác định được lãi gộp của từng loại sản phẩm, điều này gây khó khăn cho việc đưa ra các quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tiêu thụ.

**) Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán:*

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức hạch toán....Và với khối lượng công việc ngày càng nhiều, Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán vào việc hạch toán. Tuy nhiên, đôi khi phần mềm xử lý thông tin, nghiệp vụ chưa được chính xác và phải cần đến sự can thiệp của kế toán.

❖ Nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

**) Về công tác doanh thu:*

a) Về việc thu hồi doanh thu bán chịu:

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng và thị trường kinh doanh nhưng Công ty lại bị chiếm dụng vốn.

Ảnh hưởng: Do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền mặt nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

b) Về doanh thu tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng

mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó Công ty bị chiếm dụng một lượng vốn khá lớn.

Ảnh hưởng: Công ty bị chiếm dụng vốn do không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng.

c) Phản ánh nguyên tệ khi thu hồi doanh thu bán hàng (doanh thu nguyên tệ):

Theo chế độ kế toán hiện hành bên cạnh việc phản ánh tiền ngoại tệ quy đổi ra đồng Việt Nam trên TK 1112, 1122 thì phản ánh nguyên tệ trên TK 007 nhưng trên thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ thì kế toán không theo dõi trên nguyên tệ trên TK 007. Như vậy là không đúng với chế độ kế toán hiện hành và gây khó khăn trong việc quản lý từng loại ngoại tệ và tình hình biến động của chúng.

Ảnh hưởng: Công ty không theo dõi được nguyên giá của ngoại tệ.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở

mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán:

Vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp, phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật.
- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của

cán bộ kế toán Công ty, qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

3.2.3.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ chi tiết tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang áp dụng là hình thức “Nhật ký chung” trên máy tính. Mẫu sổ chi tiết các tài khoản cũng chính là sổ cái. Như vậy tên gọi và mẫu sổ chưa chính xác. Kế toán có thể theo dõi chi tiết các đối tượng theo mẫu sau:

Đơn vị:....

Mẫu số 35-DN

Địa chỉ:....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư...)

Năm:...

Quyển số:....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngoài ra, công ty cũng cần mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng đối tượng tương ứng với các đối tượng khi mở sổ chi tiết bán hàng. Bên cạnh đó công ty cũng cần mở sổ chi tiết cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo mẫu sau:

Đơn vị:....

Mẫu số 35-DN

Địa chỉ:....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:...
- Tên phân xưởng:...
- Tên sản phẩm, dịch vụ:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						2	3	4	5	6	7	8
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK... - Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:....

Ngày... tháng ... năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Kế toán có thể mở sổ chi tiết theo dõi cho đối tượng thành phẩm gổ ghép thanh Nhật Bản. Đồng thời kế toán cũng nên mở sổ chi tiết theo dõi giá vốn cho đối tượng này theo 2 mẫu trên.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Địa chỉ: Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản

Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009.

Quyển số:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5
30/12/2009 31/12/2009	055962 D2	30/12/2009 31/12/2009	+ Xuất bán gỗ ghép thanh cho Asano + Kết chuyển doanh thu tháng 12 Cộng số phát sinh	131 911	34,752	9.410.647	327.038.796 327.038.796		
			- Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp		34,752		327.038.796 174.727.009 152.311.787		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng ... năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Địa chỉ: Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 632

- Tên sản phẩm, dịch vụ: Thành phẩm gỗ ghép thanh Nhật Bản

Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	
30/12/2009 31/12/2009	055962 C1	30/12/2009 31/12/2009	Tháng 12 - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ: + Xuất bán gỗ ghép thanh cho Asano + Kết chuyển giá vốn tháng 12	155 911	174 727 009 174 727 009								
			- Cộng số phát sinh tháng 12 - Số dư cuối kỳ		174 727 009								

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng ... năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Địa chỉ: Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 641

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Từ ngày 01/12/2009 đến 31/12/2009.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						6415	6418
A	B	D	E	F	1	2	3
			Tháng 12				
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ:				
.....
27/12/2009	22788	27/12/2009	+ Thanh toán phí gửi chứng từ sang Nhật	111	732.263	732.263	
31/12/2009	C3	31/12/2009	+ Kết chuyển 641 ->911	911	2.908.490	732.263	2.176.227
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		2.908.490		
			- Số dư cuối kỳ				

Ngày... tháng ... năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Địa chỉ: Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 642

- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						6421	6424	6425	6427	6428
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5	6
..... 28/12/2009 CT 28/12/2009	Tháng 12 - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ: + Thanh toán phí chuyển tiền + Kết chuyển 642 -> 911	1121CT 911 200.000 8.529270	200.000
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Số dư cuối kỳ		8.529270					

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng ... năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.2.3.2 Hoàn thiện về lập dự phòng phải thu khó đòi :

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139.

Dự phòng phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112

Có TK 711 – Thu nhập khác

Căn cứ vào sổ chi tiết công nợ tính từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009 kế toán thấy Công Ty TNHH Hào Hưng (Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh - MST: 0301952517) nợ 16.789.795 đồng, Kế toán nên tiến hành trích lập dự phòng theo hướng dẫn của thông tư 228 với mức trích lập trên 1 năm là: $16.789.795 \times 50\% = 8.394.899$ đồng.

Kế toán định khoản : Nợ TK 642: 8.394.899 đ

Có TK 139: 8.394.899 đ

3.2.3.3 Hoàn thiện chính sách chiết khấu tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Kết cấu tài khoản:

+ Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
+ Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 911 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ. TK 521 có 3 TK cấp 2:

+ TK 5211: Chiết khấu hàng hoá

+ TK 5212: Chiết khấu thành phẩm

+ TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Phương pháp hạch toán như sau: Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

❖ **Chiết khấu thanh toán** là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Chiết khấu thanh toán cho người mua

- Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Theo nghiệp vụ ngày 22/12/2009, Công ty TNHH Thái Bình có mua thành phẩm gỗ keo với trị giá lô hàng là 440.220.000 đồng. Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại với tỷ lệ 0,5% để khuyến khích khách hàng. Số tiền khách hàng được giảm sẽ là: $440.220.000 \times 0,5\% = 2.201.100$ đ

Kế toán hạch toán: Nợ TK 521: 2.001.000

Nợ TK 3331: 200.100

Có TK 111: 2.201.100

Nếu Công Ty TNHH Thái Bình thanh toán tiền hàng sớm thì Công ty nên dành cho khách hàng một khoản chiết khấu thanh toán với tỷ lệ có thể là 0,1%.

Công Ty TNHH Thái Bình sẽ được hưởng: $440.220.000 \times 0,1\% = 440.220$ đ

Kế toán hạch toán: Nợ TK 635: 440.220 đ

Có TK 111: 440.220 đ

3.2.3.4 Hoàn thiện về phân tích báo cáo kết quả kinh doanh:

Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh

Mẫu B02-DN

Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ số 48 /2006 / QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

ĐVT: Đồng

Mã	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29 366 497 172	24 461 105 238
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29 366 497 172	24 461 105 238
11	4. Giá vốn hàng bán	27 050 661 141	19 892 988 105
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2 315 836 031	4 568 117 133
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	390 022 109	83 250 938
22	7. Chi phí tài chính	4 026 317 399	2 891 051 427
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	487 511 464	226 100 158
24	8. Chi phí bán hàng	501 258 158	341 491 773
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 161 702 780	1 391 578 809
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-3 470 931 661	- 198 854 096
31	11. Thu nhập khác	117 137 117	167 388 616
32	12. Chi phí khác	3 000 000	
40	13. Lợi nhuận khác	114 137 117	167 388 616
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3 356 794 544	- 31 465 480
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-3 356 794 544	- 31 465 480
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Hiện nay công ty chưa phân tích báo cáo tài chính để tìm ra nguyên nhân lỗi trong kỳ, chưa biết được điểm yếu và điểm mạnh của mình. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động của doanh nghiệp. Số liệu trên báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp về phương thức kinh doanh, về việc sử

dụng các tiềm năng vốn, lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của doanh nghiệp và chỉ ra rằng các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay gây ra tình trạng lỗ vốn. Đây là một bản báo cáo tài chính được các nhà lập kế hoạch rất quan tâm, vì nó cung cấp các số liệu về hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện được trong kỳ. Nó được xem là một bản hướng dẫn để dự báo xem doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai.

Qua báo cáo kết quả kinh doanh ta thấy:

- Doanh thu thuần giảm từ 29.366.497.172 đồng năm 2008 xuống còn 24.461.105.238 đồng năm 2009, tương ứng với 16,7%. Tuy nhiên giá vốn cũng giảm từ 27.050.661.141 đồng năm 2008 xuống còn 19.892.988.105 đồng năm 2009, tương ứng với 26,5%

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm từ 390.022.109 năm 2008 xuống còn 83.250.938 năm 2009 tương ứng với 78,7%. Tuy nhiên, chi phí tài chính cũng giảm từ 4.026.317.399 đồng năm 2009 xuống còn 2.891.051.427 đồng năm 2009, tương ứng với 28,2%.

- Bên cạnh đó chi phí bán hàng giảm từ 501.258.158 đồng năm 2008 xuống còn 341.491.773 đồng năm 2009, tương ứng với 31,8%. Tuy nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng nhẹ từ 1.161.702.780 đồng năm 2008 lên 1.391.578.809 đồng năm 2009, tương ứng với 16,5%.

- Theo đó lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng tăng đáng kể dù chưa lãi song cũng bớt lỗ hơn rất nhiều từ -3.470.931.661 đồng lên -198.854.096 đồng.

Mặt khác, thu nhập khác cũng tăng trong khi năm 2009 không có chi phí khác phát sinh như trong năm 2008, vì vậy đây lợi nhuận năm 2009 lên nhiều so với năm 2008, từ -3.356.794.544 đồng lên còn -31.456.480 đồng, tương đương 99%. Qua 2 năm ta thấy do thời gian đầu mới đi vào hoạt động còn nhiều khó khăn, giờ đây, công ty đã khắc phục và kinh doanh đang dần có lãi.

KẾT LUẬN

Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh năm 2009 để chứng minh cho khóa luận.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh, của các thầy cô và cô giáo hướng dẫn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh, các cô chú, các anh chị trong phòng Tài chính kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Đoàn Thuỳ Dương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ① Chế độ kế toán quyền 1 - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
- ② Chế độ kế toán quyền 2 - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.
- ③ Giáo trình hệ thống kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Nhà xuất bản Tài chính
- ④ Tài liệu sổ sách kế toán của Công ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh
- ⑤ Khoá luận tốt nghiệp khoá trước của:
 - Đặng Thị Thu Hằng sinh viên lớp QT 802K
 - Bùi Thị Huyền sinh viên lớp QT 801K
 - Đỗ Thị Diệu sinh viên lớp QT901K ở thư viện Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
- ⑥ Các tạp chí chuyên ngành

.....

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I:	2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản:	2
1.1.2.1 Doanh thu:	2
1.1.2.2 Chi phí:	4
1.1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh:	5
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:	6
1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp:	7
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	7
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng:	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:	7
1.2.1.3 Quy trình hạch toán:	8
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:	10
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng:	10
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:	10
1.2.2.3. Trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:	11
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán:	11
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng:	11
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng:	12
1.2.3.3 Quy trình hạch toán:	13
1.2.3.3.1 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX:	13
1.2.3.3.2 Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:	15

1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN:	16
1.2.4.1 Chứng từ kế toán sử dụng:	16
1.2.4.2 Tài khoản kế toán sử dụng:	16
1.2.4.3 Quy trình hạch toán:	18
1.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính:	18
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:	18
1.2.5.2 Tài khoản kế toán sử dụng:	19
1.2.5.3 Quy trình hạch toán:	21
1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	22
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng:	22
1.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng:	22
1.2.6.3 Quy trình hạch toán:	23
1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh:	24
1.2.7.1 Tài khoản sử dụng:	24
1.2.7.2 Quy trình hạch toán:	25
CHƯƠNG II:	26
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẢNG NINH.	26
2.1 Khái quát chung về Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	26
2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	27
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	29
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	30
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán:	30
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:	31
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán:	32
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán:	32
2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán:	35

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	35
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	36
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	36
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng:	36
2.2.1.3 Quy trình hạch toán:	36
2.2.1.4 Ví dụ minh họa:	37
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	51
2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	51
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng:	51
2.2.2.3 Quy trình hạch toán:	51
2.2.2.4 Ví dụ minh họa:	51
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	58
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	58
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:	58
2.2.3.3 Quy trình hạch toán:	58
2.2.3.4 Ví dụ minh họa:	59
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	66
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	66
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng:	66
2.2.4.3 Quy trình hạch toán:	66
2.2.4.4 Ví dụ minh họa:	66
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	73
2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	73
2.2.5.2 Tài khoản sử dụng:	73
2.2.5.3 Quy trình hạch toán:	73
2.2.5.4 Ví dụ minh họa:	73

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	78
2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	78
2.2.6. Tài khoản sử dụng:	78
2.2.6.3 Quy trình hạch toán:	78
2.2.6.4 Ví dụ minh họa:	78
CHƯƠNG III:	86
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẢNG NINH.....	86
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:.....	86
3.1.1 Ưu điểm:.....	87
3.1.2 Hạn chế:.....	89
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh: ..	91
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	91
3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán:	92
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	92
3.2.3.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ chi tiết tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh.....	93
3.2.3.2 Hoàn thiện về lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh	99
3.2.3.3 Hoàn thiện về chính sách chiết khấu tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:	100
3.2.3.4 Hoàn thiện về phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Biến Lâm Sản Quảng Ninh:.....	102
KẾT LUẬN	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	105